



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 07/2026

Từ 23/02 - 27/02/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP BAN CHỈ ĐẠO VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỀ ÁN 06

Chiều ngày 25/02/2026, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, chủ trì phiên họp lần thứ nhất năm 2026 của Ban Chỉ đạo. Phiên họp được tổ chức theo hình thức trực tiếp tại trụ sở Chính phủ, kết hợp với trực tuyến với Ban chỉ đạo của các tỉnh, thành phố.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, chủ trì phiên họp lần thứ nhất năm 2026 của Ban Chỉ đạo - Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Các báo cáo, ý kiến tại phiên họp thống nhất đánh giá, thời gian qua, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 được triển khai quyết liệt, đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở (trong tháng cuối năm 2025 và 02 tháng đầu năm 2026, lãnh đạo Chính phủ đã trực tiếp tham dự, chỉ đạo 20 hội nghị, diễn đàn quan trọng trong nước, quốc tế).

Thể chế, cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 được tập trung hoàn thiện, nhằm tháo gỡ “điểm nghẽn”, khơi thông nguồn lực cho phát triển.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẮT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Trong 02 tháng đầu năm 2026, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 12 nghị định, 03 nghị quyết, Quyết định số 282/QĐ-TTg về Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030, trong đó có các nhiệm vụ và giải pháp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là lĩnh vực chips bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; nâng cao kỹ năng số của toàn xã hội; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh cạnh tranh lành mạnh.

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, đạt nhiều kết quả quan trọng. Có kế hoạch xây dựng 03 Trung tâm nghiên cứu quốc gia và 09 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; phần lớn người dân được phủ sóng 5G. Tính đến 23/02/2026, Cổng Sáng kiến quốc gia tiếp nhận 28 sáng kiến đột phá và 32 đề xuất công nghệ chiến lược; tiếp nhận 254 đơn đăng ký sáng chế và cấp 159 văn bằng bảo hộ.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với 15 bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước (Tập đoàn Điện lực), 03 doanh nghiệp viễn thông và 34 địa phương, tiếp nhận 2,57 tỷ lượt tra cứu, xác thực. Nền tảng VNeID đạt 94 triệu hồ sơ định danh, 68 triệu tài khoản kích hoạt.

Đã cắt giảm, đơn giản hóa 2.690/3.085 thủ tục hành chính (87,2%) và 1.973/2.371 điều kiện kinh doanh (83,2%), giúp tiết kiệm khoảng 34,6 nghìn tỷ đồng (28% chi phí tuân thủ); hoàn thành đơn giản hóa 1.061/1.084 thủ tục hành chính liên quan giấy tờ công dân (98%); từ 01/7/2025 đến 07/01/2026, 34 địa phương tiếp nhận 29,4 triệu hồ sơ, trong đó 24 triệu hồ sơ trực tuyến, tỉ lệ đúng hạn đạt 91%.

Giải ngân vốn đầu tư công đến 31/01/2026 đạt 858.621 tỷ đồng (94,8% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao); đến 09/02/2026, 100% địa phương đã xử lý 25.885 cơ sở nhà, đất dôi dư.

Năm 2026 phải đột phá, xoay chuyển tình thế và tăng tốc bứt phá

Phát biểu kết luận, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng Ban Chỉ đạo cơ bản đồng tình với các báo cáo, ý kiến tại phiên họp; giao Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan liên quan tiếp thu, hoàn thiện ban hành Kết luận của Ban Chỉ đạo để thống nhất triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ghi nhận và biểu dương nỗ lực, cố gắng và kết quả đạt được của các bộ, ngành, địa phương; sự chỉ đạo quyết liệt của các thành viên Ban Chỉ đạo; sự đồng lòng, ủng hộ, tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp, đóng góp quan trọng cho công cuộc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng chỉ rõ, nhiều nhiệm vụ tại các Chương trình, Kế hoạch, Đề án triển khai còn chậm tiến độ, tồn đọng từ năm 2025. Dữ liệu còn phân tán; tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành còn chậm, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ khai thác dữ liệu, phục vụ cải cách thủ tục hành chính.

Hạ tầng số phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và tốc độ tăng trưởng kinh tế (5G chưa được phủ sóng toàn dân, chưa có những trung tâm dữ liệu lớn...). An ninh mạng, an toàn thông tin, dữ liệu còn nhiều bất cập.

Một số cơ chế chính sách về dữ liệu còn thiếu, chưa đồng bộ; đặc biệt là cơ chế chính sách cho phát triển sản phẩm dữ liệu, kinh tế dữ liệu, định giá dữ liệu và tài sản trí tuệ còn vướng mắc. Nhân lực cấp cơ sở còn thiếu và yếu; nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an ninh mạng vẫn còn thiếu hụt. Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ chung của Ban Chỉ đạo còn hạn chế.

Nêu rõ năm 2026 là năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và tiếp tục triển khai các nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu các bộ ngành, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn xây dựng chương trình, kế hoạch, lộ trình và tổ chức thực hiện hiệu quả.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cơ bản nhất trí với tinh thần chủ đề năm 2026 là: “Bứt phá kinh tế số - Lấy kinh tế dữ liệu và trí tuệ nhân tạo làm trụ cột phát triển mới bền vững hơn, thông minh hơn”.

Đồng thời, phương châm hành động là: Quán triệt sâu sắc và bám sát tuyệt đối sự lãnh đạo, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm và Ban Chỉ đạo, chúng ta cần chuyển đổi mạnh mẽ tư duy từ triển khai theo đầu việc sang quản trị theo kết quả, lấy sản phẩm thực chất và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả.

Nhấn mạnh “tư tưởng phải thông”, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, muốn tăng trưởng 2 con số, phát triển nhanh, bền vững thì phải lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn với triển khai Đề án 06 làm nền tảng; đồng thời quyết tâm phải cao, nỗ lực phải lớn, hành động phải quyết liệt, làm việc nào dứt việc đó, làm việc nào ra việc đó. Trong tổ chức thực hiện, phải bảo đảm nguyên tắc “6 rõ”, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát. Xác định dữ liệu là tài nguyên chiến lược, là nền tảng cốt lõi để bứt phá kinh tế số, trọng tâm là kinh tế dữ liệu; đa dạng hóa huy động và sử dụng tối ưu các nguồn lực.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho rằng, nếu năm 2025 là năm đặt nền tảng, đặt cơ sở, tạo đà, tạo lực, tạo khí thế, tạo niềm tin để phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 thì năm 2026 phải đột phá, xoay chuyển tình thế và tăng tốc bứt phá, chuyển đổi trạng thái mạnh mẽ từ thụ động quản lý là chính sang chủ động kiến tạo phát triển và phục vụ nhân dân.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng yêu cầu quán triệt tinh thần với 24 từ khóa: Nhà nước kiến tạo - Doanh nghiệp tiên phong - Cán bộ đi đầu - Công tư đồng hành - Đất nước phát triển – Nhân dân thụ hưởng.

5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới

Thứ nhất, triển khai hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo; khắc phục những hạn chế, bất cập mà các báo cáo đã nêu ra; quán triệt và triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương giao với 7 nhóm nhiệm vụ mà Tổng Bí thư Tô Lâm đã nêu.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Nội vụ hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ đạo, chỉ tiêu cụ thể được giao tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo Chính phủ, hoàn thành trong tháng 2/2026.

Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về dữ liệu, hoàn thành trong tháng 02/2026.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách đột phá, nhất là kinh tế dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Công an, Công Thương khẩn trương xây dựng và trình ban hành văn bản hướng dẫn các Luật: Chuyển đổi số, Trí tuệ nhân tạo, An ninh mạng, Thương mại điện tử bảo đảm thời điểm ban hành và hiệu lực thi hành đồng bộ với luật, tránh khoảng trống pháp lý.

Bộ Công an nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành: Nghị định về cơ chế đột phá phát triển của Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm Dữ liệu quốc gia, hoàn thành trong Quý I/2026; cơ chế về tổ chức, hoạt động của Sàn dữ liệu, hoàn thành trong Quý II/2026; cơ chế, chính sách phát triển kinh tế dữ liệu, hoàn thành trong quý III/2026.

Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công an xây dựng khung pháp lý về định giá dữ liệu, phí, giá khai thác dữ liệu từ Trung tâm dữ liệu quốc gia, chính sách ưu đãi thuế, vốn cho doanh nghiệp có hoạt động liên quan tới dữ liệu, hoàn thành trong tháng 6/2026.

Thứ ba, đẩy mạnh xây dựng và phát triển hạ tầng số và các cơ sở dữ liệu quan trọng cần phải làm ngay, tạo nền tảng thúc đẩy kinh tế số phát triển mạnh mẽ, sâu rộng.

Các Bộ trưởng, Trưởng ngành trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tiến độ triển khai, chất lượng, hiệu quả hoạt động của các trung tâm, cơ sở dữ liệu; đẩy mạnh tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu, nhất là Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ chủ trì, hoàn thành trong tháng 3/2026.

Cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội do Bộ Nội vụ chủ trì, hoàn thành trong tháng 6/2026. Cơ sở dữ liệu thanh tra kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức do Thanh tra Chính phủ chủ trì, hoàn thành trong tháng 6/2026. Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính do Bộ Công an chủ trì, hoàn thành trong quý IV/2026, Cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hoàn thành trong quý III/2026. Cơ sở dữ liệu ngành y tế do Bộ Y tế chủ trì, hoàn thành trong quý III/2026.

Bộ Công an nhanh chóng đưa Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1 vận hành chính thức; Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp dân nhân dữ liệu, dữ liệu hóa, phục vụ xây dựng các nền tảng AI tự chủ của Việt Nam trong năm 2026.

Với tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau trong tiếp cận điện và sóng, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính giao Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy dịch vụ internet vệ tinh quỹ đạo tầm thấp sớm đi vào hoạt động và vận hành thương mại trong năm 2026; chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh đầu tư các trạm phát sóng 5G

phủ sóng toàn quốc trong năm 2026, Viettel là doanh nghiệp chủ trì. Bộ Công Thương với vai trò cơ quan quản lý nhà nước chỉ đạo Tập đoàn Điện lực xây dựng giải pháp khắc phục để không còn thôn, bản thiếu điện.

Thứ tư, đẩy mạnh triển khai Đề án 06 gắn với cải cách thủ tục hành chính. Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể triển khai Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, hoàn thành trong tháng 3/2026; triển khai quyết liệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030, đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (khắc phục tình trạng các cơ quan, tổ chức yêu cầu người dân, doanh nghiệp: Cung cấp lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, và cung cấp bản chứng thực các thông tin cá nhân hoặc giấy tờ đã được tích hợp và được kết nối, chia sẻ trên VNeID).

Thứ năm, bảo đảm nguồn lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển nền kinh tế số với tinh thần đầu tư cho con người là đầu tư cho phát triển. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo trong tháng 4/2026. Bộ Công an xây dựng khung chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương.

Bộ Tài chính ưu tiên kinh phí cho đào tạo nhân lực; hoàn thành việc rà soát, bố trí ngân sách tập trung cho các nhiệm vụ trọng điểm ngay trong Quý I/2026, bảo đảm duy trì tối thiểu 3% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho chuyển đổi số. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì hoàn thành việc lựa chọn, xác định danh mục và giao nhiệm vụ phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên (nhất là AI, UAV, lĩnh vực điện hạt nhân, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế sáng tạo, kinh tế tầm thấp, đường sắt tốc độ cao...)

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính giao Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn thành xây dựng bộ chỉ số (KPI) đánh giá theo thời gian thực các bộ ngành, cơ quan thực hiện nhiệm vụ được giao, cũng như đánh giá triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và các nghị quyết của Bộ Chính trị.

Nguồn: baohinhphu.vn

XÂY DỰNG LUẬT PHẢI PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN TỐI ĐA VÀ CẮT GIẢM MỌI THỦ TỤC RÙOM RÀ

Ngày 27/02/2026, Chính phủ đã họp phiên chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 2 năm 2026 để xem xét, thảo luận cho ý kiến vào 5 nội dung. Kết luận phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh yêu cầu phân cấp, phân quyền tối đa và rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính, giảm phiền hà, giảm chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp.

Tại Phiên họp, các thành viên Chính phủ đã nghe tờ trình tóm tắt; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến; đồng thời thảo luận, cho ý kiến vào: Dự án Luật Thủ đô (sửa đổi); Dự án Luật Hộ tịch (sửa đổi); Dự án Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Hà Nội gương mẫu, đi đầu, là nơi thí điểm các chính sách

Về “Dự án Luật Thủ đô sửa đổi”, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và các đại biểu đóng góp nhiều ý kiến, đề xuất cơ chế đặc thù, vượt trội, ổn định, có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với vị trí, vai trò, tính chất riêng có của Thủ đô, đặt trong tổng thể tình hình phát triển đất nước và xu thế của thế giới.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, cần căn cứ Cương lĩnh của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, các nghị quyết Trung ương, các nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm để thể chế hóa các nội dung liên quan; nghiên cứu tham khảo kinh nghiệm, tinh hoa của các nước; xây dựng Dự án Luật Thủ đô sửa đổi có tầm nhìn xa trông rộng, nghĩ sâu làm lớn, ổn định lâu hơn, hướng phát triển trăm năm.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh tinh thần phân cấp, phân quyền tối đa, triệt để, “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, đi đôi với phân bổ nguồn lực và có công cụ tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; có quy định đặc thù, những nội dung khó, những vấn đề chưa có tiền lệ, những nội dung chưa có quy định hoặc vượt quá quy định hiện hành, Hà Nội được ban hành các cơ chế, chính sách thí điểm. Hà Nội gương mẫu, đi đầu, là nơi thí điểm các chính sách, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, thúc đẩy phát triển đất nước nhanh, bền vững, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân Thủ đô.

Về “Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế”, các thành viên Chính phủ đề xuất một số cơ chế ưu đãi cho người, cơ quan phụ trách, cũng như cơ chế tăng cường hiệu quả công tác phối hợp liên ngành trong công tác này.

Đối với “Dự án Luật Hộ tịch sửa đổi”, Chính phủ tập trung bổ sung, sửa đổi các quy định nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý Nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực hộ tịch.

Về “Dự án Luật Tín ngưỡng, tôn giáo”, các đại biểu thảo luận các quy định cụ thể về quyền tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các thành viên Chính phủ đề xuất “Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài” phải quy định rõ cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các cơ chế chính sách đãi ngộ và thu hút nhân lực để nâng cao hoạt động của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Bảo đảm kịp thời, chất lượng và tuân thủ quy định

Kết luận chung phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhắc lại, thể chế pháp luật vừa là động lực, nguồn lực phát triển; thể chế phải đi trước dẫn đường, nhằm tháo gỡ các

điểm nghẽn, các vấn đề nảy sinh trên thực tế, đưa thể chế từ “điểm nghẽn của điểm nghẽn” thành lợi thế cạnh tranh quốc gia. Nghị quyết các Đại hội của Đảng gần đây đều xác định: Xây dựng và hoàn thiện thể chế là một trong ba đột phá chiến lược trong phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Yêu cầu các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tham gia trực tiếp xây dựng thể chế của bộ, ngành mình và thể chế chung do Chính phủ đảm nhận, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính lưu ý, trong quá trình xây dựng pháp luật phải thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng; tháo gỡ được vướng mắc, điểm nghẽn, khó khăn từ thực tiễn; thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để, đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và thiết kế công cụ kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng chỉ rõ, “những gì đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng thì luật hoá; những gì chưa chín, chưa rõ thì thiết kế quy định thực hiện thí điểm, vừa làm vừa mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội và không bỏ lỡ cơ hội”. Rà soát, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính, giảm phiền hà, giảm chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp. Luật chỉ quy định những vấn đề có tính chất nguyên tắc, còn các nội dung cụ thể giao cho các cơ quan soạn thảo đưa vào các nghị định hướng dẫn để bảo đảm tính linh hoạt, khả thi, hiệu quả trong quá trình thực hiện.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chỉ đạo các cơ quan soạn thảo tiếp thu các ý kiến của các thành viên Chính phủ; đồng thời lấy thêm ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, người làm luật, các đối tượng tác động, cũng như kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam để hoàn thiện các dự thảo trình cấp có thẩm quyền.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính lưu ý, diễn đạt phải rõ ràng, ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề, “dễ hiểu, dễ tiếp cận, dễ làm, dễ kiểm tra, dễ giám sát”, làm rõ cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn; làm rõ “6 sao”: (1) Vì sao lược bỏ; (2) Vì sao hoàn thiện; (3) Vì sao bổ sung; (4) Vì sao cắt bỏ thủ tục; (5) Vì sao phân cấp, phân quyền; (6) Vì sao còn ý kiến khác nhau, cần báo cáo Chính phủ để cho ý kiến chỉ đạo.

Đặc biệt, các bộ, ngành phải phối hợp chặt chẽ với nhau và với các cơ quan của Quốc hội, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình thẩm tra, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án Luật theo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội.

Về chuẩn bị cho kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho biết, dự kiến Chính phủ sẽ trình Quốc hội thông qua 34 hồ sơ, tài liệu, trong đó có 15 dự án luật, nghị quyết với nhiều dự án luật khó, phức tạp, tác động sâu rộng tới mọi mặt của đời sống xã hội, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, đặc biệt là các đồng chí bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ tập trung ưu tiên thời gian, tập trung nguồn lực cao nhất, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện các dự án luật, nghị quyết đã được Chính phủ xem xét, cho ý kiến để trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ nhất bảo đảm chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.

Quán triệt tinh thần “vừa chạy, vừa xếp hàng”, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chỉ đạo hoàn thành xong hồ sơ, tài liệu, báo cáo nào thì gửi ngay đến các cơ quan của Quốc hội để thẩm tra và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến; kịp thời báo cáo ngay Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp thu, chỉnh lý dự án Luật theo quy định, cũng như những vấn đề phát sinh và vượt thẩm quyền.

Đối với các dự án luật, nghị quyết cho ý kiến tại Phiên họp này, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ: Tư pháp, Ngoại giao, Dân tộc và Tôn giáo tiếp thu tối đa các ý kiến của Thành viên Chính phủ và các ý kiến tại Phiên họp, khẩn trương chỉnh lý, hoàn thiện các dự án luật, nghị quyết bảo đảm tiến độ, chất lượng.

Giao các Phó Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo các bộ, ngành trong xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật thuộc lĩnh vực chỉ đạo, quản lý, Thủ tướng Chính phủ lưu ý, đối với các hồ sơ dự án Luật, Nghị quyết có trong Chương trình Kỳ họp tháng 4/2026 của Quốc hội mà chưa trình Chính phủ, cần khẩn trương xây dựng, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ xem xét nhằm bảo đảm tiến độ trình Quốc hội.

Đối với các dự án luật, nghị quyết đã được Chính phủ xem xét, thông qua, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu khẩn trương tiếp thu, giải trình, chỉnh lý hoàn thiện đầy đủ hồ sơ để gửi các cơ quan của Quốc hội thẩm tra theo đúng quy định. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội và các cơ quan liên quan trong quá trình thẩm tra, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án Luật trình Quốc hội.

Trong quá trình các bộ, cơ quan tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật, Nghị quyết theo ý kiến của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 về vai trò, trách nhiệm đến cùng của Chính phủ trong quá trình Quốc hội xem xét, thông qua các dự án luật, nghị quyết.

Nguồn: baohinhphu.vn

PHÓ THỦ TƯỚNG PHẠM THỊ THANH TRÀ: THIẾT KẾ CƠ CHẾ QUẢN LÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 79-NQ/TW

Ngày 25/02/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà chủ trì cuộc họp với các bộ ngành về xây dựng dự thảo Nghị định quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Thiết kế lại Nghị định trên nền tảng tư duy mới

Thực hiện Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Nội vụ đã chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 159/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 69/2023/NĐ-CP).

Dự thảo Nghị định nhằm thể chế hóa đầy đủ yêu cầu của Đảng và pháp luật về quản lý đội ngũ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước và người đại diện phần vốn nhà nước.

Về cơ sở chính trị, Nghị quyết số 12-NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước đề ra nhiệm vụ thực hiện việc tách người quản lý doanh nghiệp nhà nước khỏi chế độ viên chức, công chức; triển khai rộng rãi cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm qua thi tuyển cạnh tranh, công khai, minh bạch đối với tất cả các chức danh quản lý, điều hành và các vị trí công việc khác trong doanh nghiệp.

Cùng với đó, thời gian vừa qua, Bộ Chính trị ban hành nhiều quy định liên quan đến công tác cán bộ. Quá trình thực hiện Nghị định số 159/2020/NĐ-CP trong 5 năm qua cũng phát sinh một số bất cập. Do đó việc sửa đổi quy định về quản lý người quản lý doanh nghiệp nhà nước là cần thiết.

Phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh, Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước đã đặt ra yêu cầu đổi mới căn bản tư duy quản lý, hướng tới quản trị hiện đại, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước.

Do đó, việc xây dựng dự thảo Nghị định quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp không chỉ xử lý các vấn đề kỹ thuật, mà phải đặt trên nền tảng lớn hơn là quán triệt đầy đủ tinh thần Nghị quyết số 79-NQ/TW và chương trình hành động của Chính phủ để khẩn trương đưa Nghị quyết số 79-NQ/TW vào cuộc sống.

Chuyển mạnh sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà, nguyên tắc xuyên suốt khi xây dựng dự thảo Nghị định là vừa quán triệt Nghị quyết số 79-NQ/TW, vừa tuân thủ các quy định của Đảng về công tác cán bộ, đồng thời bảo đảm thống nhất với Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các luật liên quan.

Tinh thần cốt lõi là chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại. Mục tiêu đến năm 2030, 100% tập đoàn, tổng công ty nhà nước áp dụng các nguyên tắc quản trị theo chuẩn mực của OECD.

Cùng với đó, yêu cầu đặt ra là tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, phân cấp phải gắn với phân định rạch ròi, minh bạch thẩm quyền bổ nhiệm giữa Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp, bảo đảm không chồng chéo, không bỏ trống trách nhiệm.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà lưu ý tập trung vào hai chức danh then chốt là Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc – những vị trí có vai trò quyết định trong hoạch định chiến lược và tổ chức điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Bên cạnh cơ chế phân cấp rõ ràng, văn bản cần quy định cụ thể trường hợp “cần thiết, cấp bách” để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức

và thực hiện các quy trình cán bộ liên quan. Quy định này nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong điều hành, đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

Mở cơ chế thí điểm thuê, tuyển dụng lãnh đạo

Một nội dung quan trọng được Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà yêu cầu nghiên cứu kỹ là thí điểm cơ chế đặc thù thuê, tuyển dụng, bổ nhiệm Giám đốc, Tổng giám đốc tại một số doanh nghiệp nhà nước.

Theo đó, cần thiết kể một điều khoản riêng về cơ chế thí điểm, có phạm vi, địa chỉ cụ thể và thời hạn rõ ràng để đánh giá, rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng. Khi thực hiện cơ chế thuê, tuyển dụng đặc thù, có thể không áp dụng cứng nhắc các yêu cầu về quy hoạch, thâm niên, thời gian giữ chức vụ như quy định chung, miễn là người được lựa chọn có năng lực quản trị, có thành tích, sản phẩm cụ thể.

Đối với công tác đánh giá, xếp loại hàng năm, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà yêu cầu đổi mới theo hướng lấy hiệu quả làm trung tâm, cho phép doanh nghiệp áp dụng các công cụ đánh giá hiện đại như KPI hoặc các phương thức tiên tiến khác, chứ không áp dụng máy móc cơ chế đánh giá hành chính.

Về Kiểm soát viên, cần quy định rõ tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, bảo đảm đủ năng lực thực hiện chức năng giám sát. Nếu không nâng cao chất lượng đội ngũ này, cơ chế giám sát sẽ không hiệu quả, thậm chí gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Bên cạnh phân cấp mạnh mẽ, dự thảo Nghị định mới cũng phải bổ sung cơ chế kiểm soát, giám sát quyền lực chặt chẽ, bảo đảm công khai, minh bạch, phòng ngừa xung đột lợi ích.

Đáng chú ý, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh tinh thần Nghị quyết số 79-NQ/TW là khuyến khích đội ngũ quản lý doanh nghiệp năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm. Do đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà đề nghị Bộ Nội vụ và các bộ ngành nghiên cứu cơ chế bảo vệ cán bộ quản lý doanh nghiệp dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung để bổ sung vào dự thảo Nghị định. Trong trường hợp rủi ro do yếu tố khách quan, bất khả kháng, cần có quy định rõ ràng để bảo vệ người thực thi, tạo tâm lý yên tâm đổi mới, sáng tạo.

Nguồn: baochinhphu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CHỈ ĐẠO NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ SẮP XẾP, XỬ LÝ, KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký ban hành Công điện về việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả sắp xếp, xử lý, khai thác tài sản công. Công điện gửi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Công điện nêu rõ, thực hiện các kết luận, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng ủy Chính phủ, để tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả sắp xếp, xử lý, khai thác tài sản công sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, tránh thất thoát, lãng phí, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau: khẩn trương hoàn thành xử lý, đưa vào khai thác, sử dụng đối với các cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp bộ máy, không để hư hỏng, xuống cấp, lãng phí; đối với các cơ sở nhà, đất dôi dư, khẩn trương hoàn thành việc chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý hoặc xử lý theo hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các cơ sở nhà, đất thực hiện tạm bàn giao, tiếp nhận trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính: Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tạm bàn giao, tiếp nhận hoàn thiện thủ tục để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản theo quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tạm bàn giao, tiếp nhận.

Đối với các cơ sở nhà, đất cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp tục quản lý, sử dụng hoặc được giao, điều chuyển để làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng nhà, đất rà soát để bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành. Đối với phần diện tích lớn hơn so với tiêu chuẩn, định mức (nếu có) thì báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao, điều chuyển tài sản quyết định giao, điều chuyển phần diện tích này cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quản lý, sử dụng nếu phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và nhu cầu sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó hoặc quyết định giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng trong trường hợp không có cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp để giao, điều chuyển, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong bố trí, sắp xếp, xử lý, khai thác trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí tài sản.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau: tiếp tục rà soát để ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản theo thẩm quyền để triển khai các văn bản quy phạm pháp luật do trung ương ban hành, đặc biệt là các quy định cụ thể về phân cấp trong quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công chuyên dùng và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công chuyên dùng để bảo đảm cơ sở pháp lý, tăng cường phân cấp, phân quyền và đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác tài sản công.

Chỉ đạo sắp xếp, bố trí, xử lý các cơ sở nhà, đất, tài sản công khi sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng các quy định của pháp luật, các công điện, chỉ đạo của Thủ tướng Chính

phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính về xử lý trụ sở, tài sản công khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

Đối với các cơ sở nhà, đất thực hiện tạm bàn giao, tiếp nhận trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính: Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tạm bàn giao, tiếp nhận hoàn thiện thủ tục để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản theo quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tạm bàn giao, tiếp nhận.

Đối với các cơ sở nhà, đất đã thực hiện chuyển đổi công năng trước khi điều chỉnh quy hoạch: Cập nhật, điều chỉnh ngay quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan sau khi thực hiện chuyển đổi công năng, giao, điều chuyển nhà, đất.

Đối với các cơ sở nhà, đất cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp tục quản lý, sử dụng hoặc được giao, điều chuyển để làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng nhà, đất rà soát để bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành. Đối với phần diện tích lớn hơn so với tiêu chuẩn, định mức (nếu có) thì báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao, điều chuyển tài sản quyết định giao, điều chuyển phần diện tích này cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quản lý, sử dụng nếu phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và nhu cầu sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó hoặc quyết định giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng trong trường hợp không có cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp để giao, điều chuyển, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Đối với các cơ sở nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì tiếp tục chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận quản lý, xử lý tài sản khẩn trương lập phương án khai thác, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật để kịp thời đưa tài sản vào khai thác hoặc xử lý, tránh thất thoát, lãng phí; trong đó:

Đối với các cơ sở nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý, khai thác thì khẩn trương hoàn thành việc xử lý tài sản hoặc đưa tài sản vào khai thác theo phương án đã được phê duyệt.

Đối với các cơ sở nhà, đất chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý, khai thác thì khẩn trương xây dựng phương án xử lý, khai thác, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở tổ chức thực hiện.

Giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất cho đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ theo thẩm quyền; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất cho đơn vị sự nghiệp công lập của xã theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 3/11/2025 của Chính phủ để tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương thực hiện việc quản lý, khai thác quỹ nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

Tiếp tục rà soát việc quản lý, sử dụng xe ô-tô, máy móc, thiết bị phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo tiêu chuẩn, định mức được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; trên cơ sở đó:

Kịp thời xử lý tài sản dôi dư theo hướng: Đối với tài sản còn sử dụng được thì điều chuyển ngay cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn thiếu tài sản để sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm chi ngân sách; đối với tài sản hỏng, không còn sử dụng được hoặc không có cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận thì khẩn trương thanh lý, thu tiền nộp ngân sách.

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng để thực hiện mua sắm tài sản còn thiếu hoặc cần thay thế, bảo đảm cơ sở vật chất cho mô hình tổ chức bộ máy mới, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn mới.

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong bố trí, sắp xếp, xử lý, khai thác trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí tài sản.

Bộ Tài chính chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn theo thẩm quyền các khó khăn, vướng mắc phát sinh. Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc trực tiếp chỉ đạo việc triển khai, đôn đốc; xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện Công điện này. Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Nguồn: nhandan.vn

GẮN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VỚI TINH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY

Ngày 25/02/2026, tại Phiên họp lần thứ nhất năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Văn Hồi đã báo cáo về tình hình, kết quả công tác cải cách hành chính năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026.

Theo Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Văn Hồi, trong năm 2025, công tác cải cách hành chính tiếp tục được Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, sáng tạo và hiệu quả. Nhiều rào cản, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, trong đó có những vấn đề mới, phức tạp, chưa có tiền lệ, đã được ưu tiên xem xét, xử lý kịp thời.

Với vai trò là cơ quan thường trực cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã đề xuất với Ban Chỉ đạo tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; triển khai xác định, đánh giá kết quả chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước SIPAS và chỉ số cải cách hành chính PAR INDEX; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/2/2026 về

Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm 2026.

Đồng thời tiếp nhận, giải quyết trên 1.300 phản ánh kiến nghị, đã công khai đầy đủ kết quả giải quyết trên hệ thống thông tin tiếp nhận xử lý kiến nghị về thủ tục hành chính và hệ thống thông tin hỏi đáp về hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp.

Trong năm 2025, các bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch được phê duyệt, với nhiều giải pháp sáng tạo, thiết thực, đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực.

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính. Hệ thống cơ chế, chính sách ở một số lĩnh vực chưa đồng bộ, chưa sát thực tiễn, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện, cần tiếp tục rà soát, sửa đổi kịp thời. Ở một số nơi vẫn xảy ra tình trạng cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm, gây phiền hà; việc xử lý phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính còn chậm.

Tiến độ tái cấu trúc quy trình, nhất là quy trình điện tử để thực hiện thủ tục không phụ thuộc địa giới hành chính còn chậm. Một số địa phương lúng túng khi thực hiện phân cấp, phân quyền, chưa phát huy đầy đủ thẩm quyền được giao. Cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị sự nghiệp công lập chưa đồng bộ...

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu

Về phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Văn Hồi cho rằng, trước hết phải nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính; quán triệt và triển khai nghiêm túc, thực chất các chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng, Nhà nước và Chính phủ.

Các bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai Quyết định số 282/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiến độ với phương châm “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm và rõ thẩm quyền.

Đồng thời, khẩn trương rà soát, ban hành, cập nhật kế hoạch cải cách hành chính năm 2026; tổ chức thực hiện nghiêm túc, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý, bám sát mục tiêu, lộ trình được Chính phủ giao. Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, theo dõi, đánh giá; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; chú trọng khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Các bộ, ngành cần tập trung tham mưu, đề xuất tháo gỡ các “điểm nghẽn” về pháp luật; khẩn trương hướng dẫn xử lý những vướng mắc liên quan trực tiếp đến hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp, nhất là đối với các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; triển khai hiệu quả các chương trình hành động của Chính phủ thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị trên các lĩnh vực.

Cùng với đó, đẩy mạnh rà soát, phê duyệt và thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu; tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa

liên thông; tái cấu trúc quy trình, số hóa hồ sơ, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh. Tăng cường tập huấn, hướng dẫn cho cơ sở, nhất là cấp xã; siết chặt kiểm tra, giám sát, không để xảy ra ách tắc trong giải quyết thủ tục hành chính.

Năm 2026 cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong các bộ, cơ quan Trung ương và sở, ngành địa phương; tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng chỉ đạo của Trung ương.

Đồng thời, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm tháo gỡ triệt để vướng mắc trong thực hiện phân cấp, phân quyền; tổ chức thực hiện nghiêm Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, bảo đảm bộ máy sau sắp xếp hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Việc triển khai Luật Cán bộ, công chức năm 2025, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành phải được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ; chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ.

Cùng với đó, tiếp tục đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công; đổi mới cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường xã hội hóa dịch vụ công; hoàn thiện quy hoạch tỉnh, xã, đặc khu; rà soát, sắp xếp, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài chính công; đề xuất phương án xử lý cơ sở vật chất, tài sản công dồi dư, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

Đặc biệt, cần tập trung triển khai hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số theo các kết luận, kế hoạch của Trung ương và Chính phủ; khẩn trương xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương; kết nối, tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia gắn với Trung tâm dữ liệu quốc gia, qua đó nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

Phuong Nhung, Trung tâm Công nghệ thông tin

BỘ XÂY DỰNG: TĂNG TỐC GIẢI NGÂN, ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP PHÂN QUYỀN

Bộ Xây dựng vừa ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026.

Chương trình thể hiện quyết tâm hành động đồng bộ, quyết liệt, thực chất, bám sát Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch 5 năm 2026 - 2030.

Với phương châm “Kỷ cương trách nhiệm; chủ động hiệu quả; đổi mới sáng tạo; tăng tốc đột phá; tăng trưởng bền vững”, ngành xây dựng đặt mục tiêu góp phần cùng cả nước phấn đấu tăng trưởng GDP năm 2026 từ 10% trở lên, gắn với ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Tinh thần xuyên suốt là siết chặt kỷ luật, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, khơi dậy tinh thần dám nghĩ, dám làm, thích ứng linh hoạt và đổi mới phương thức quản lý.

Phấn đấu giải ngân vốn đầu tư công trên 95%

Một trong những chỉ tiêu trọng tâm là tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 đạt trên 95% kế hoạch được Thủ tướng giao. Cùng với đó, Bộ Xây dựng đặt mục tiêu nâng tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc lên 45%; hoàn thành trên 110.000 căn nhà ở xã hội; nâng diện tích nhà ở bình quân cả nước lên 27 m² sàn/người.

Trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch tập trung phấn đấu đạt 95%; 50% hệ thống cấp nước đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia đạt 18%.

Về vận tải, mục tiêu năm 2026 là tăng khoảng 15% khối lượng hàng hóa và hành khách so với năm 2025; khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng khoảng 13,5% và luân chuyển hành khách tăng khoảng 14%.

Để hoàn thành các chỉ tiêu trên, Bộ xác định tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật, đổi mới tư duy quản lý, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Trọng tâm là rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng số hóa hồ sơ, liên thông dữ liệu, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực.

Bộ cũng chủ động nghiên cứu cơ chế khuyến khích phát triển các dự án hạ tầng trọng điểm, giao thông xanh, phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), công nghiệp đường sắt; siết chặt kỷ luật, tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”.

Không để dự án chậm tiến độ, đội vốn

Trong đầu tư xây dựng, yêu cầu xuyên suốt là bảo đảm tiến độ các công trình hạ tầng chiến lược, đồng bộ, hiện đại, có tính kết nối quốc gia và quốc tế, nhất là các dự án giao thông trọng điểm. Bộ nhấn mạnh kiểm soát chặt tổng mức đầu tư, không để phát sinh chi phí do lỗi chủ quan, không để tình trạng chậm tiến độ kéo dài gây trượt giá, lãng phí nguồn lực.

Nguồn vốn sẽ được ưu tiên cho các dự án quan trọng, cấp bách và các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2026. Trong đó, phấn đấu khởi công một số hạng mục chính tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng railway và các hạng mục, dự án thành phần của Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam.

Phối hợp với các địa phương triển khai các tuyến đường bộ cao tốc liên vùng, đường sắt đô thị, đường vành đai vùng Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; nghiên cứu triển khai giai đoạn 2 Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Dự án Cảng hàng không Thổ Chu (An Giang), bảo đảm tiến độ Cảng hàng không quốc tế Gia Bình.

Trong lĩnh vực hàng hải, Bộ Xây dựng phối hợp nghiên cứu các dự án cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, Hòn Khoai, Liên Chiểu và các cảng biển tiềm năng khác, phục vụ phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp và vùng động lực.

Cùng với đó, công tác quản lý vận tải được gắn với cải thiện môi trường kinh doanh, bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Bộ định hướng phát triển vận tải đa phương thức trên cơ sở tăng tỷ trọng vận tải thủy, đường sắt; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, giảm chi phí logistics, nâng cao năng lực cạnh tranh nền kinh tế.

Hoạt động hàng không được ưu tiên mở rộng cả quốc tế và nội địa; nâng cao năng lực điều hành, khai thác tại các cảng hàng không lớn; triển khai đồng bộ giải pháp hạn chế chậm, hủy chuyến.

Tập trung phát triển nhà ở xã hội

Trong quản lý đầu tư xây dựng, Bộ yêu cầu kiểm soát chặt chất lượng công trình; nâng cao năng lực thiết kế, thi công theo hướng hiện đại; kịp thời cập nhật, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức và giá xây dựng.

Về quy hoạch - kiến trúc, nhiệm vụ trọng tâm là hoàn thiện hành lang pháp lý, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước, phù hợp với yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính, phân cấp, phân quyền và mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quy hoạch đô thị, nông thôn được rà soát, hoàn thiện theo hướng quản lý đô thị văn minh, hiện đại, thích ứng biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý quy hoạch; xây dựng hệ thống thông tin quản lý quy hoạch; nâng cao chất lượng đô thị hóa, mở rộng không gian phát triển, lấy đô thị làm động lực tăng trưởng.

Đặc biệt, phát triển nhà ở xã hội tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm, với việc triển khai quyết liệt Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”. Cùng với đó là ổn định thị trường bất động sản, bảo đảm phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững.

Tăng cường hậu kiểm, kiểm soát đầu tư ngoài ngành

Trong quản lý ngân sách năm 2026, Bộ Xây dựng yêu cầu tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính; quản lý thu, chi chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; phát huy tối đa công năng kết cấu hạ tầng đã đầu tư.

Về hợp tác quốc tế, Bộ Xây dựng chủ động thực hiện hiệu quả các điều ước, thỏa thuận đã ký; huy động nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong quản lý, đầu tư, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực. Ưu tiên thúc đẩy hợp tác với Trung Quốc để đẩy nhanh 3 dự án đường sắt kết nối; tiếp tục triển khai các cơ chế hợp tác song phương như Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Cuba, Việt Nam - Algeria, Việt Nam - Libya; mở rộng hợp tác về đô thị xanh, đô thị thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu.

Trong lĩnh vực khoa học công nghệ, vật liệu xây dựng và môi trường, tiếp tục nghiên cứu giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

Đáng chú ý, Bộ Xây dựng đặt yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác đăng kiểm; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuẩn hóa quy trình, ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm công khai, minh bạch, giảm thời gian và chi phí tuân thủ. Việc chuyển giao nhiệm vụ từ Cục Đăng kiểm Việt Nam về Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam phải được thực hiện thông suốt, không để khoảng trống quản lý.

Đối với doanh nghiệp nhà nước, yêu cầu khẩn trương thực hiện Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh; tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phấn đấu tăng trưởng doanh thu hoặc sản lượng từ 10% trở lên. Đồng thời, tăng cường kiểm soát đầu tư ngoài ngành, đầu tư dàn trải; rà soát dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả; xử lý dứt điểm tài sản, công trình dở dang, không để thất thoát, lãng phí vốn và tài sản nhà nước.

Với hệ thống giải pháp đồng bộ, trọng tâm, Chương trình hành động năm 2026 của Bộ Xây dựng thể hiện rõ quyết tâm tăng tốc giải ngân, đẩy mạnh phân cấp, siết chặt kỷ luật và tạo đột phá trong phát triển hạ tầng, đô thị và nhà ở xã hội, góp phần hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững của đất nước.

Nguồn: baohinhphu.vn

ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN QUẢN LÝ MỸ PHẨM

Bộ Y tế đang lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm nhằm đơn giản hoá thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền và tăng cường hiệu lực, hiệu quả, trật tự, kỷ cương quản lý nhà nước về quản lý mỹ phẩm.

Một số bất cập, vướng mắc

Theo Bộ Y tế, qua tổng kết thực tiễn thi hành Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm và các văn bản hướng dẫn có liên quan cho thấy nhiều quy định hiện hành đã dần bộc lộ các bất cập, vướng mắc, chưa đáp ứng các yêu cầu thực tiễn đặt ra:

Một số quy định của pháp luật về quản lý mỹ phẩm còn mang tính nguyên tắc chung chung cần quy định rõ hơn như điều kiện sản xuất mỹ phẩm, về thẩm quyền lấy mẫu mỹ phẩm, thực hiện kiểm nghiệm đối với mỹ phẩm...

Bên cạnh đó, một số quy định của pháp luật về quản lý mỹ phẩm còn chồng chéo, bất cập, có tính khả thi chưa cao hoặc không còn phù hợp với thực tiễn, cần sửa đổi hoặc bãi bỏ như pháp luật hiện hành quy định thủ tục là công bố nhưng vẫn phải xét hồ sơ trước khi công bố, các quy định về ghi nhãn chưa bắt kịp xu thế phát triển công nghệ, thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm theo quy định hiện hành là một rào cản hành chính, làm tăng gánh nặng cho doanh nghiệp và không phù hợp với xu hướng chuyển sang quản lý hậu kiểm...

Ngoài ra, một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn cần được bổ sung mới trong Nghị định như quy định về thẩm quyền xây dựng, ban hành và cập nhật danh mục các chất cấm, hạn chế hoặc được phép sử dụng theo Hiệp định mỹ phẩm ASEAN; quy định về kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoặc Giấy chứng nhận “Thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm” (CGMP); quy định về kiểm tra, giám sát an toàn, chất lượng mỹ phẩm sau khi công bố, về thu hồi sản phẩm mỹ phẩm vi phạm, tạm ngừng tiếp nhận hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm...

Do đó, việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm là cần thiết nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế của Nghị định số 93/2016/NĐ-CP và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn; đơn giản hoá thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền và tăng cường hiệu lực, hiệu quả, trật tự, kỷ cương quản lý nhà nước về quản lý mỹ phẩm.

Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Thực hiện chủ trương chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm, cắt giảm thủ tục hành chính và thực hiện Hiệp định mỹ phẩm ASEAN, dự thảo Nghị định ***sửa đổi, hoàn thiện yêu cầu về an toàn, chất lượng của sản phẩm mỹ phẩm***:

Để bảo đảm về an toàn, chất lượng sản phẩm mỹ phẩm, dự thảo quy định sản phẩm mỹ phẩm phải đáp ứng yêu cầu của ASEAN về giới hạn kim loại nặng, vi sinh vật và tạp chất dạng vết trong sản phẩm mỹ phẩm, thành phần công thức mỹ phẩm phải đáp ứng các Phụ lục (Annexes) của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN theo phiên bản cập nhật mới nhất của Hội đồng mỹ phẩm ASEAN và phải được đánh giá tính an toàn theo Hướng dẫn đánh giá tính an toàn mỹ phẩm của ASEAN. Tiêu chuẩn cơ sở do cơ sở sản xuất mỹ phẩm xây dựng để áp dụng cho sản phẩm của mình phải được lưu giữ và công bố theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Về công bố sản phẩm mỹ phẩm: Cơ chế công bố mới hoạt động theo nguyên tắc “Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm trước - Cơ quan quản lý kiểm tra sau” (chuyển hoàn toàn từ tiền kiểm sang hậu kiểm), theo đúng quy định tại Hiệp định mỹ phẩm ASEAN: Sản phẩm trước khi lưu thông phải được cơ sở tự kiểm tra và công bố công khai thông tin trên Hệ thống điện tử quản lý mỹ phẩm tập trung (và các cổng thông tin liên quan).

Điều này buộc doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính an toàn và pháp lý của sản phẩm ngay từ đầu; Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ tiếp nhận và công bố công khai thông tin. Việc công khai này xác nhận hồ sơ đã được nộp vào hệ thống, chứ không phải là phê duyệt về mặt nội dung.

Sau khi sản phẩm được công bố và lưu thông, cơ quan nhà nước sẽ thực hiện kiểm tra hồ sơ. Nếu phát hiện hồ sơ không đáp ứng, cơ quan quản lý thu hồi số tiếp nhận Phiếu công bố đã công bố, kiểm tra đột xuất, thu hồi sản phẩm và xử lý vi phạm.

Hồ sơ công bố sản phẩm phải có “Tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm mỹ phẩm” để kiểm soát an toàn, chất lượng sản phẩm và làm cơ sở cho việc kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng

sau công bố (áp dụng trong trường hợp là tiêu chuẩn cơ sở và chưa công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng).

Sản xuất mỹ phẩm tại Việt Nam

Dự thảo Nghị định quy định thống nhất một điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm và Giấy chứng nhận CGMP để nâng cao chất lượng sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước, hội nhập với quốc tế; doanh nghiệp có thể đề nghị cấp cả hai cùng một lúc, cắt giảm thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh rườm rà.

Cơ sở sản xuất phải được đánh giá định kỳ 03 năm/lần theo thông lệ quốc tế hoặc đột xuất bảo đảm cơ sở sản xuất luôn duy trì đầy đủ các điều kiện, tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm” (CGMP) trong suốt quá trình hoạt động.

Nguồn: [moh.gov.vn](#)

ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Bộ Khoa học và Công nghệ đang dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo.

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành công nghệ mũi nhọn của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, mở ra nhiều cơ hội to lớn cho phát triển kinh tế - xã hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức, cấp bách về quản lý, đạo đức và an toàn. Trong bối cảnh đó, việc ban hành Luật Trí tuệ nhân tạo là cần thiết nhằm thiết lập khuôn khổ pháp lý thống nhất ở cấp luật.

Tuy nhiên, các quy định mang tính nguyên tắc trong Luật chỉ có thể được triển khai hiệu quả thông qua các văn bản quy định chi tiết, trong đó Nghị định của Chính phủ giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

Do đó, việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo nhằm bảo đảm thuận lợi, thống nhất, đồng bộ và khả thi trong quá trình triển khai.

Tạo ra một hành lang pháp lý toàn diện cho việc quản lý rủi ro hiệu quả đối với các hệ thống trí tuệ nhân tạo và thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con người; tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái và thị trường trí tuệ nhân tạo

Dự thảo Nghị định nêu rõ hỗ trợ phát triển hệ sinh thái và thị trường trí tuệ nhân tạo. Theo đó, việc hỗ trợ phát triển hệ sinh thái và thị trường trí tuệ nhân tạo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, đầu tư, đấu thầu, tài chính, thuế, chuyển đổi số

và pháp luật có liên quan; bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, không phân biệt đối xử và không làm méo mó thị trường.

Nội dung hỗ trợ phát triển hệ sinh thái và thị trường trí tuệ nhân tạo bao gồm:

Tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tiếp cận hạ tầng tính toán, dữ liệu, nền tảng và môi trường thử nghiệm có kiểm soát phục vụ nghiên cứu, phát triển, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo.

Hỗ trợ kết nối cung – cầu công nghệ, phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo thông qua Sàn giao dịch công nghệ quốc gia, nền tảng kết nối và các hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật.

Ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo trong mua sắm công theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Khuyến khích phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo thể hệ mới nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị, sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ công.

Hỗ trợ chi phí đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các sáng chế, giải pháp hữu ích về trí tuệ nhân tạo.

Đối tượng được xem xét áp dụng các biện pháp hỗ trợ bao gồm:

a) Tổ chức, cá nhân nghiên cứu, phát triển, sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo;

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo;

c) Cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ và cơ quan nhà nước có hoạt động ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Việc tiếp cận các biện pháp hỗ trợ được thực hiện thông qua đăng ký trên Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo hoặc qua các chương trình, cơ chế hỗ trợ hiện hành; không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về trí tuệ nhân tạo được ưu tiên tiếp cận hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu và môi trường thử nghiệm có kiểm soát do Nhà nước đầu tư; được hỗ trợ về chi phí, đào tạo, tư vấn và kết nối thị trường theo quy định của pháp luật.

Hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo

Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định cũng đề xuất quy định hỗ trợ doanh nghiệp tổng lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

Hỗ trợ chi phí tuân thủ: Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo được:

Hỗ trợ một phần chi phí đánh giá sự phù hợp, thử nghiệm, kiểm định an toàn thông tin theo quy định của Luật Trí tuệ nhân tạo.

Cung cấp miễn phí hồ sơ mẫu, công cụ tự đánh giá rủi ro, tài liệu hướng dẫn và các mô hình nền tảng mã nguồn mở do Nhà nước phát triển.

Ưu tiên hỗ trợ từ Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia

Cơ chế phiếu hỗ trợ (Voucher): Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, nhóm nghiên cứu có dự án đổi mới sáng tạo khả thi về trí tuệ nhân tạo được cấp phiếu hỗ trợ để: Thanh toán chi phí sử dụng hạ tầng tính toán, bộ dữ liệu dùng chung; sử dụng mô hình nền tảng, mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số; tiếp cận nền tảng huấn luyện, kiểm thử và thuê chuyên gia tư vấn kỹ thuật.

Doanh nghiệp có năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo được ưu tiên tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ số trọng điểm.

Doanh nghiệp tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát được hỗ trợ tư vấn pháp lý, hoàn thiện hồ sơ, đánh giá rủi ro, kiểm thử an toàn và kết nối với cơ sở thử nghiệm, kiểm định miễn phí.

Doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu, mô hình, công cụ hoặc kết quả nghiên cứu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo được xem xét áp dụng các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phù hợp theo quy định của pháp luật.

Phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo

Theo dự thảo, nhà nước phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo theo hướng toàn diện, liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo, bảo đảm hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao phục vụ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và quản lý trí tuệ nhân tạo theo quy định tại Điều 23 của Luật Trí tuệ nhân tạo.

Giáo dục phổ thông: Tích hợp nội dung cơ bản về trí tuệ nhân tạo, tư duy tính toán, kỹ năng số và đạo đức công nghệ vào chương trình bắt buộc; khuyến khích hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu và sáng tạo trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

Giáo dục nghề nghiệp và đại học: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học được khuyến khích xây dựng chương trình đào tạo về trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu và các chuyên ngành liên quan; khuyến khích hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế trong đào tạo, thực tập, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo: Nhà nước triển khai Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo, bao gồm: đào tạo đại trà kỹ năng AI cho người lao động; đào tạo chuyên sâu đội ngũ kỹ sư, chuyên gia AI chất lượng cao; thu hút chuyên gia AI quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài.

Tổ chức, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp tham gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo được hưởng cơ chế khuyến khích và ưu đãi theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm phối hợp trong đào tạo, nghiên cứu ứng dụng và thực hành nghề nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn.

Cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và trung tâm đổi mới sáng tạo có trách nhiệm hợp tác, chia sẻ tri thức và tham gia mạng lưới quốc gia, quốc tế về đào tạo, nghiên cứu và phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo.

Nguồn: baochinhphu.vn

CHỈ SỐ HÀI LÒNG VỚI PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM 2025 TĂNG HƠN 2%

Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã công bố kết quả khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan bảo hiểm xã hội năm 2025.

Theo đó, thực hiện quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ về cải cách hành chính, năm 2025, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã tổ chức đo lường, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan bảo hiểm xã hội trong phạm vi toàn quốc.

Đây là năm thứ ba liên tiếp cơ quan này triển khai công tác đo lường, đánh giá mức độ hài lòng theo phương pháp khoa học, bảo đảm khách quan, minh bạch và phù hợp với Bộ tiêu chí đo lường sự hài lòng do Bộ Nội vụ ban hành.

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa là mốc đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, vừa là thời điểm hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam triển khai sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo chủ trương chung.

Việc tổ chức đo lường, đánh giá mức độ hài lòng không chỉ giúp Bảo hiểm xã hội Việt Nam được phản ánh chất lượng phục vụ mà còn ghi nhận tác động tích cực của quá trình đổi mới tổ chức bộ máy, các quy trình nghiệp vụ phục vụ người tham gia, thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của hệ thống.

Bám sát Kế hoạch của bảo hiểm xã hội Việt Nam, công tác đo lường, đánh giá mức độ hài lòng được thực hiện đối với các tổ chức, cá nhân tham gia và thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp có phát sinh giao dịch với cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp trong thời gian từ ngày 1/3/2025 đến ngày 31/8/2025 tại 34 tỉnh, thành phố.

Tổng số phiếu khảo sát phát ra là 91.296 phiếu; số phiếu thu về là 84.508 phiếu; sau làm sạch dữ liệu, có 84.448 phiếu hợp lệ (đạt 99,9% số phiếu thu về) được đưa vào phân tích, tổng hợp. Kết quả công bố chỉ số hài lòng chung của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan bảo hiểm xã hội năm 2025 đạt 89,50%, tăng 2,03% so với năm 2024.

Đối tượng khảo sát bao gồm: Cá nhân, đại diện tổ chức giao dịch trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; cá nhân, đại diện tổ chức giao dịch điện tử; người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế hộ gia đình giao dịch qua tổ chức hỗ trợ, phát triển đối tượng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội qua tài khoản ATM; bệnh nhân/người nhà bệnh nhân khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; người sử dụng các kênh thông tin, tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam (như Tổng đài, Cổng thông tin điện tử, Fanpage, Zalo, email). Việc điều tra được thực hiện bằng hình thức trực tiếp và từ xa, đồng thời được triển khai giám sát độc lập nhằm bảo đảm tính khách quan, trung thực của kết quả.

Kết quả công bố chỉ số hài lòng chung của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan bảo hiểm xã hội năm 2025 đạt 89,50%, tăng 2,03% so với năm 2024. Kết quả này cho thấy chất lượng phục vụ của hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam tiếp tục được cải thiện, phản ánh hiệu quả của công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao trách nhiệm công vụ của đội ngũ viên chức trong toàn hệ thống.

Tuy nhiên, khảo sát cũng chỉ ra một số nội dung hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam cần tiếp tục tập trung cải thiện. Cụ thể như: Chất lượng và tính ổn định của một số kênh hỗ trợ trực tuyến; sự đồng đều về chất lượng phục vụ giữa các địa phương; việc phối hợp với các cơ sở khám, chữa bệnh nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế;....

Chỉ số hài lòng đối với 34 tỉnh, thành phố dao động từ 84,05% đến 96,76%. Có 33/34 địa phương đạt hơn 85% - đạt mục tiêu đề ra của Nghị quyết số 28-NQ/TW.

Năm địa phương có kết quả cao nhất gồm: Hà Tĩnh, Quảng Ninh, Điện Biên, Hải Phòng và Thanh Hóa. Bên cạnh đó, một số địa phương có chỉ số hài lòng chưa cao do chịu tác động bởi đặc thù quy mô dân số lớn, số lượng hồ sơ phát sinh nhiều, đặc biệt trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền 2 cấp. Đây là cơ sở quan trọng để các đơn vị tiếp tục phân tích sâu các chỉ số thành phần, xác định nguyên nhân và đề ra giải pháp khắc phục phù hợp trong thời gian tới.

Chỉ số hài lòng đối với 34 tỉnh, thành phố dao động từ 84,05% đến 96,76%. Có 33/34 địa phương đạt hơn 85%. Năm địa phương có kết quả cao nhất gồm: Hà Tĩnh, Quảng Ninh, Điện Biên, Hải Phòng và Thanh Hóa.

Trên cơ sở kết quả đã công bố, Bảo hiểm xã hội Việt Nam yêu cầu các đơn vị trực thuộc, bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố nghiêm túc quán triệt, rút kinh nghiệm và triển khai ngay các giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ.

Trong thời gian tới, toàn hệ thống sẽ tiếp tục phân tích sâu dữ liệu khảo sát và ý kiến góp ý của người dân; hoàn thiện quy trình nghiệp vụ; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; nâng cấp các nền tảng giao dịch điện tử và hỗ trợ trực tuyến; tăng cường đào tạo kỹ năng, đạo đức công vụ; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế nhằm cải thiện trải nghiệm của người tham gia bảo hiểm y tế.

Việc công bố chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan bảo hiểm xã hội năm 2025 một lần nữa khẳng định cam kết mạnh mẽ của Bảo hiểm xã hội Việt Nam trong xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, hướng tới mục tiêu phát triển hệ thống an sinh xã hội công bằng, bền vững và hiệu quả trong giai đoạn mới.

Nguồn: nhandan.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG**HÀ NỘI: BẢO ĐẢM 100% SỐ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GIẢI QUYẾT ĐÚNG HẠN, TRƯỚC HẠN**

Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ký ban hành Quyết định số 600/QĐ-UBND về Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2026 của thành phố.

Kế hoạch xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách; bảo đảm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính và chuyển đổi số thực sự trở thành động lực trung tâm của tăng trưởng, đóng góp trực tiếp vào mục tiêu tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2026 từ 11% trở lên, tạo nền tảng cho tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030.

Cải cách hành chính gắn với thực hiện nghiêm túc chủ đề công tác năm 2026 của thành phố “Kỷ cương, chuyên nghiệp - Đột phá, sáng tạo - Hiệu quả, bền vững” và lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Trọng tâm cải cách hành chính là cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ, hoàn thiện bộ máy, chế độ công vụ, đẩy mạnh chuyển đổi số; tăng cường công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước. Cụ thể: Trong công tác chỉ đạo, điều hành, thành phố nhấn mạnh yêu cầu Chỉ số PAR INDEX của thành phố xếp trong nhóm tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; Chỉ số SIPAS của thành phố đạt tối thiểu 86%, trong đó bảo đảm từ 90% trở lên người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Về cải cách thể chế, phần đầu 100% các văn bản quy phạm pháp luật phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới, bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp phù hợp với chủ trương của Trung ương, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thủ đô. 100% văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. 90% tổng số nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đề xuất xây dựng nghị quyết của HĐND thành phố được ban hành.

Về cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”: 100% số hồ sơ thủ tục hành chính được trả kết quả giải quyết đúng hạn, trước hạn. 100% tiến độ và kết quả giải quyết hồ sơ hành chính được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Giảm tối thiểu 20% thời gian xử lý các quy trình liên thông. 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, thời gian giải quyết, chi phí thực hiện và sửa đổi, hoàn thiện.

Trong cải cách tài chính công, 100% vốn đầu tư công được phân bổ kịp thời; 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý. 100% cơ quan, đơn vị thuộc

phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và rà soát, chuẩn hóa, cập nhật kịp thời số liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản công.

Đặc biệt, thành phố xác định xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số là trụ cột quan trọng. Phấn đấu 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị công việc tổng thể và ứng dụng AI trong Hệ thống quản lý văn bản và điều hành. 100% hồ sơ công việc tại cấp thành phố, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc. 80% trở lên hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 100% cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện; 100% thủ tục hành chính được triển khai thanh toán trực tuyến và có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến...

Nguồn: kinhtedothi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH PHẤN ĐẤU NHÓM 10 ĐỊA PHƯƠNG DẪN ĐẦU VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Chiều ngày 26/02/2026, tại họp báo về kinh tế - xã hội, Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh cho biết, năm 2026, thành phố đặt mục tiêu phấn đấu các chỉ số liên quan cải cách hành chính thuộc nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước.

Để đạt được mục tiêu này, Thành phố Hồ Chí Minh đề ra hàng loạt giải pháp như: Rà soát 100% các văn bản hướng dẫn, thi hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để sửa đổi, bổ sung, thay thế phù hợp, kịp thời; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cắt giảm tối thiểu 50% thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình; tối thiểu 80% hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến; 100% thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính.

Song song đó, thành phố tiếp tục sắp xếp bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức, đặc biệt là cấp cơ sở.

Ngoài ra, thành phố thực hiện số hóa 100% thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái sử dụng dữ liệu số để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Với những giải pháp trên, thành phố phấn đấu tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt từ 98% trở lên; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt từ 96% trở lên.

Đặc biệt, trong năm 2026, thành phố xác định cải cách tổ chức bộ máy tinh gọn gắn với ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu lực,

hiệu quả quản lý nhà nước. Đây là giải pháp trọng tâm để tối ưu quy trình, giảm đầu mối, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng phục vụ và từng bước xây dựng mô hình chính quyền số, chính quyền thông minh.

Theo Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố xác định rõ, cải cách hành chính không còn là nhiệm vụ riêng lẻ, mà là động lực trung tâm của tăng trưởng và phát triển bền vững. Cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy mức độ hài lòng làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ.

Đồng thời, thành phố cũng xác định cải cách hành chính là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức.

Để cụ thể hóa chủ đề năm 2026 là “Hoàn thiện, nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy - khai thông thể chế - đột phá hạ tầng - nâng cao hiệu quả phục vụ nhân dân”, công tác cải cách hành chính của thành phố tập trung vào 92 nhiệm vụ cụ thể trên cả 6 lĩnh vực (cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số).

Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ cụ thể đến từng cơ quan, đơn vị để hoàn thành các mục tiêu đề ra, bảo đảm nguyên tắc 6 rõ: “rõ người - rõ việc - rõ thời gian - rõ trách nhiệm - rõ sản phẩm - rõ thẩm quyền”.

Nguồn: hanoimoi.vn

SƠN LA: CÔNG BỐ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngày 25/02/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ký ban hành Quyết định số 569/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

Việc điều chỉnh nhằm cập nhật các quy định mới nhất từ Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Các nội dung thay đổi chính, gồm: Ban hành mới 15 thủ tục hành chính tập trung vào các lĩnh vực: Chứng nhận chuẩn đo lường, cấp thẻ kiểm định viên, đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm. Sửa đổi, bổ sung 3 thủ tục hành chính về các thủ tục cấp, cấp lại và chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo.

Đồng thời, Quyết định bãi bỏ 19 thủ tục hành chính cũ tại Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 được thay thế hoặc bãi bỏ để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới như Thông tư 54/2025/TT-BKHCN và Nghị định 22/2026/NĐ-CP.

Để tăng cường tính minh bạch và tiện lợi, các thủ tục hành chính mới được quy định rõ ràng về phương thức và thời gian thực hiện, như phương thức nộp hồ sơ đa dạng qua hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính. Địa điểm tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh và cấp xã. Thời hạn giải quyết rút ngắn đáng kể, ví dụ thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chỉ mất 3 ngày làm việc, thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường là 10 ngày làm việc đối với hồ sơ hợp lệ. Quy định phí, lệ phí với hiệu thủ tục thuộc danh mục mới ban hành hiện đang quy định mức phí là 0 đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan niêm yết công khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc các danh mục vừa ban hành. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục có thể tra cứu thông tin chi tiết tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh hoặc truy cập vào Cổng Dịch vụ công Quốc gia để được hướng dẫn và hỗ trợ kịp thời.

Nguồn: baosonla.vn

THÁI NGUYÊN: XÂY DỰNG NỀN HÀNH CHÍNH HIỆN ĐẠI, LẤY NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP LÀM TRUNG TÂM PHỤC VỤ

Ngày 25/02/2026, đồng chí Vương Quốc Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên có buổi làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Hiện nay, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có 13 cán bộ, công chức, viên chức; 17 sở, ban, ngành và doanh nghiệp tham gia tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính. Trung bình mỗi ngày, Trung tâm tiếp nhận gần 200 hồ sơ.

Từ tháng 7/2025 đến nay, Trung tâm đã tiếp nhận, giải quyết trên 29 nghìn hồ sơ; tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt trên 99%. Các chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp và Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành, đánh giá chất lượng phục vụ trên môi trường điện tử của tỉnh luôn duy trì trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước.

Tại buổi làm việc, lãnh đạo Trung tâm nêu một số khó khăn, vướng mắc về hạ tầng công nghệ thông tin; đồng thời kiến nghị tỉnh quan tâm ban hành cơ chế, chính sách đặc thù cho đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm cấp tỉnh và cấp xã; tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.

Phát biểu tại buổi làm việc, đồng chí Vương Quốc Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biểu dương tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực của tập thể Trung tâm Phục vụ

hành chính công trong thời gian qua, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

Nhấn mạnh quyết tâm của tỉnh trong xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, đồng chí yêu cầu Trung tâm xác định rõ vai trò là đầu mối tham mưu giải quyết và kiểm soát thủ tục hành chính trên toàn tỉnh; chủ động nhận diện “nút thắt” trong quy trình giải quyết để kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ.

Trong quá trình vận hành, nếu phát hiện thủ tục hành chính còn chồng chéo, bất cập, Trung tâm chủ động đề xuất phương án cải thiện.

Về hạ tầng và chuyển đổi số, đồng chí Vương Quốc Tuấn chỉ đạo xây dựng hệ thống đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; hoàn thiện quy chế phối hợp giữa Trung tâm với các sở, ngành, địa phương, bảo đảm thông suốt. Đồng chí giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ động tham mưu xây dựng, quản lý dữ liệu theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thông minh”; phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan đẩy nhanh kết nối, hình thành Trung tâm dữ liệu của tỉnh, bảo đảm liên thông giữa cấp tỉnh với cấp xã và với Trung ương.

Nguồn: baothainguyen.vn

BẮC NINH: CẤP “SỔ ĐỎ” LẦN ĐẦU TẠI CẤP XÃ: TĂNG TÍNH CHỦ ĐỘNG, KHƠI THÔNG NGUỒN LỰC

Thời gian qua, cùng với việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều chuyển biến tích cực. Việc phân cấp mạnh mẽ về cấp xã không chỉ rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền với người dân mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai.

Thuận lợi từ phân cấp, phân quyền

Từ ngày 01/7/2025, theo quy định mới, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu được thực hiện ngay tại cấp xã. Đây là bước tiến quan trọng trong cải cách hành chính, giúp người dân giảm thời gian đi lại, chủ động hơn trong việc hoàn thiện hồ sơ, đồng thời tạo điều kiện để chính quyền cơ sở phát huy vai trò “gần dân, sát dân”.

Xã Tân Yên là một trong những địa phương triển khai sớm và hiệu quả. Công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đất đai được tổ chức bài bản ngay từ đầu. Ông Lê Anh Tuấn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cho biết: “Xã đã phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận, nghiên cứu kỹ thẩm quyền được giao, nhất là những nội dung mới phát sinh. Lợi thế của địa phương là đội ngũ cán bộ chuyên môn nắm chắc địa bàn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực đất đai. Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, xã bố trí 2 cán bộ địa chính - xây dựng. Kết quả, từ ngày 1/7/2025 đến nay, Ủy ban nhân dân xã Tân Yên đã tiếp nhận và giải quyết trước hạn 514 hồ sơ thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, trong đó có 399 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Hiện còn 19 hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết.

Theo thống kê, tổng số hồ sơ lĩnh vực đất đai tiếp nhận trong tỉnh từ ngày 1/7/2025 đến nay đạt gần 12 nghìn hồ sơ, đã giải quyết hơn 6 nghìn hồ sơ, còn lại đang giải quyết theo quy định. Riêng lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, tổng số hồ sơ tiếp nhận là gần 8 nghìn hồ sơ, nhiều địa phương đạt kết quả nổi bật như: xã Tân Yên, xã Xuân Cẩm, phường Vân Hà...

Giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh

Bên cạnh những kết quả tích cực, việc phân cấp mạnh cho cấp xã cũng đặt ra không ít khó khăn. Khối lượng công việc tăng nhanh trong khi biên chế, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều đã tạo áp lực không nhỏ cho chính quyền cơ sở. Nhiều người dân chưa có thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến, chưa đăng ký tài khoản hoặc chưa có tài khoản định danh điện tử mức độ 2, buộc cán bộ tiếp nhận phải hướng dẫn từng bước cho mỗi hồ sơ, dẫn đến quá tải vào lúc cao điểm.

Sau sáp nhập, địa bàn quản lý rộng hơn, số thôn tăng lên, trong khi số lượng cán bộ chuyên môn chưa đáp ứng đủ. Một số xã thiếu cán bộ có trình độ phù hợp ở lĩnh vực đất đai; hồ sơ, giấy tờ về quyền sử dụng đất của người dân không đầy đủ; bản đồ địa chính cũ bị thất lạc, hư hỏng, gây khó khăn trong quá trình đối chiếu, xác minh. Theo thống kê, toàn tỉnh hiện có 294 cán bộ có trình độ phù hợp lĩnh vực đất đai đang làm việc tại phòng kinh tế hoặc phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị của các xã, phường. Tuy nhiên, một số xã không có cán bộ chuyên môn phù hợp, trong khi một số phường có đông cán bộ, dẫn đến sự chênh lệch về năng lực xử lý công việc giữa các địa phương.

Trước thực trạng đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ động triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ các phường, xã. Trong đó, tổ chức tập huấn cho 100% xã, phường; hướng dẫn chuyên môn theo hình thức “cầm tay chỉ việc” cho hơn 20 địa phương. Mở thêm 7 điểm tiếp nhận, trả kết quả lĩnh vực đất đai tại những nơi có dân số đông; biên soạn sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ; điều động, biệt phái cán bộ chuyên ngành tăng cường cho cơ sở để việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh đi vào ổn định.

Theo ông Dương Thanh Tùng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, thời gian tới, Sở tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến không địa giới hành chính; triển khai cơ sở dữ liệu đất đai, dự kiến hoàn thành trong năm 2026. Tiếp tục phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các xã, phường rà soát, bố trí lại nhân sự, bổ sung biên chế lĩnh vực đất đai cho phòng chuyên môn ở phường, xã.

Nguồn: baobacninh.tv.vn

NINH BÌNH: PHÁT HUY VAI TRÒ TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN

Trong hành trình thực hiện chuyển đổi số quốc gia, Ninh Bình đang từng bước khẳng định quyết tâm chính trị bằng những giải pháp đồng bộ, bài bản và sát thực tiễn. Không chỉ tập

trung đầu tư hạ tầng và xây dựng chính quyền số, tỉnh đặc biệt chú trọng đưa công nghệ đến gần hơn với người dân. Từ đó, mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng đã được triển khai rộng khắp, trở thành lực lượng nòng cốt đưa chuyển đổi số lan tỏa đến từng thôn, xóm, khu dân cư.

Triển khai chủ trương chuyển đổi số quốc gia và các chương trình, kế hoạch của tỉnh, sau sáp nhập đơn vị hành chính, Ninh Bình đã kiện toàn đồng bộ mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% thôn, tổ dân phố trên địa bàn với 4.654 tổ và 36.139 thành viên tham gia. Đây là mô hình mang tính sáng tạo, phù hợp điều kiện thực tiễn, lấy người dân làm trung tâm, cộng đồng làm nền tảng để thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

Mỗi Tổ công nghệ số cộng đồng được hình thành với thành phần đa dạng, quy tụ cán bộ cơ sở, đoàn viên thanh niên, giáo viên, hội viên phụ nữ, cán bộ hưu trí và những người am hiểu công nghệ thông tin, có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Sự kết hợp giữa kinh nghiệm thực tiễn và sức trẻ, giữa uy tín trong dân và khả năng tiếp cận công nghệ đã tạo nên một lực lượng vừa gần dân, sát dân, vừa đủ năng lực để hỗ trợ người dân trong môi trường số. Vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng được thể hiện rõ nét qua những nhiệm vụ cụ thể, thiết thực. Các thành viên Tổ trực tiếp hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công; hỗ trợ cài đặt, sử dụng các nền tảng số thiết yếu như tài khoản định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, sổ sức khỏe điện tử, các ứng dụng trong lĩnh vực y tế, giáo dục, an sinh xã hội. Đồng thời, Tổ còn là kênh tuyên truyền hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với chuyển đổi số, góp phần nâng cao nhận thức, từng bước thay đổi tư duy và thói quen của người dân trong tiếp cận, ứng dụng công nghệ vào đời sống hằng ngày.

Với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, cầm tay chỉ việc”, các Tổ công nghệ số cộng đồng đã từng bước cụ thể hóa chủ trương chuyển đổi số bằng những việc làm thiết thực, biến những khái niệm tưởng chừng khô khan, xa lạ trở thành những thao tác quen thuộc trong đời sống hằng ngày của người dân.

Xã Đồng Thái là địa phương có quy mô dân số lớn với khoảng hơn 24 nghìn nhân khẩu, công tác chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, gắn trực tiếp với quyền lợi và mức độ hài lòng của nhân dân. Trong bối cảnh khối lượng công việc lớn, nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính ngày càng tăng, việc đưa dịch vụ công trực tuyến đến gần người dân không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là thước đo hiệu quả cải cách hành chính ở cơ sở.

Đồng chí Lê Xuân Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đồng Thái cho biết: Ngay sau khi sáp nhập đơn vị hành chính, xã đã khẩn trương kiện toàn 45 Tổ công nghệ số cộng đồng với trên 400 thành viên, phủ khắp các thôn, xóm, bảo đảm mỗi khu dân cư đều có lực lượng nòng cốt hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số. Các Tổ được phân công nhiệm vụ cụ thể, gắn với những nội dung trọng tâm trong triển khai chuyển đổi số của địa phương; đồng thời, xã thường xuyên quan tâm công tác tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho các thành viên, nhằm phát huy hiệu quả vai trò “cánh tay nối dài” của chính quyền cơ sở trong tuyên truyền, hướng dẫn và đồng hành cùng nhân dân.

Tại các thôn, xóm và đặc biệt tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã, các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng thường xuyên có mặt để hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến. Từ việc tạo tài khoản định danh điện tử, đăng nhập Cổng dịch vụ công, nộp hồ sơ trực tuyến đến tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên điện thoại thông minh, mọi quy trình đều được hướng dẫn cụ thể, dễ hiểu. Đối với người cao tuổi, người ít tiếp cận công nghệ, sự hỗ trợ trực tiếp, tận tình đã giúp họ từng bước xóa bỏ tâm lý e ngại, chủ động tham gia môi trường số.

Nhờ sự vào cuộc tích cực, thường xuyên và sát cơ sở của các Tổ công nghệ số cộng đồng, năm 2025, xã Đồng Thái đã tiếp nhận và giải quyết gần 5.000 hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Tỷ lệ hồ sơ thực hiện theo hình thức trực tuyến không ngừng tăng lên, góp phần giảm tải cho bộ phận “một cửa”, đồng thời tiết kiệm thời gian, chi phí mang lại hiệu quả tích cực cho người dân trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

Nếu như tại xã Đồng Thái, các Tổ công nghệ số cộng đồng phát huy rõ vai trò trong lĩnh vực cải cách hành chính, đưa dịch vụ công trực tuyến đến gần hơn với người dân, thì ở nhiều địa phương khác, mô hình này tiếp tục được vận dụng linh hoạt, phù hợp với đặc điểm dân cư và điều kiện thực tiễn.

Tại xã Ý Yên, địa bàn có quy mô dân số trên 53.300 nhân khẩu, rộng và đông dân cư, yêu cầu đặt ra đối với công tác chuyển đổi số không chỉ dừng ở giải quyết thủ tục hành chính mà còn gắn với phát triển kinh tế số, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh. Toàn xã hiện có 49 Tổ công nghệ số cộng đồng với gần 400 thành viên, được bố trí tại các thôn, tạo thành mạng lưới hỗ trợ rộng khắp, kịp thời đồng hành cùng người dân trong quá trình tiếp cận và ứng dụng công nghệ số vào đời sống.

Bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế số ở cơ sở, các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ các hộ kinh doanh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, tạo mã QR, quảng bá sản phẩm trên các nền tảng mạng xã hội; đồng thời hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trên môi trường số. Những việc làm cụ thể, thiết thực đã giúp các hộ kinh doanh từng bước thích ứng với phương thức giao dịch hiện đại, tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Hiện nay, khoảng 85% người dân xã Ý Yên sử dụng điện thoại thông minh; trên 70% có tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt. Đây là nền tảng quan trọng để các nền tảng số thiết yếu từng bước thâm nhập sâu vào các lĩnh vực của đời sống.

Không dừng lại ở việc hỗ trợ trực tiếp cho từng hộ kinh doanh, công tác tuyên truyền về chuyển đổi số tại xã Ý Yên còn được lồng ghép trong các buổi sinh hoạt thôn, tổ dân phố. Thông qua đó, các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tuyên truyền về lợi ích của kinh tế số, thanh toán không dùng tiền mặt, hướng dẫn người dân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Cách làm này góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và chủ động tham gia của người dân trong tiến trình chuyển đổi số. Thực tiễn tại xã Ý Yên cho thấy, khi chuyển đổi số được triển khai gắn với nhu cầu thiết thân

của người dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh ở cơ sở, hiệu quả mang lại là rõ rệt và bền vững. Từ những việc làm cụ thể, thiết thực, mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng đang góp phần lan tỏa kinh tế số, đưa chuyển đổi số từng bước đi vào chiều sâu, trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại cơ sở vẫn còn gặp không ít khó khăn, thách thức. Phần lớn thành viên các Tổ hoạt động kiêm nhiệm, quỹ thời gian dành cho công tác chuyển đổi số còn hạn chế. Ở một số địa bàn, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị chưa đồng bộ; chất lượng đường truyền internet có thời điểm chưa ổn định, ảnh hưởng đến hiệu quả hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng các nền tảng số.

Trước thực tế đó, Trung tâm Chuyển đổi số và Truyền thông (Sở Khoa học và Công nghệ) đã chủ động tham mưu, phối hợp triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực cho lực lượng Tổ công nghệ số cộng đồng. Năm 2025, Trung tâm đã tổ chức 46 hội nghị tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho 4.396 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, xóm thuộc các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Nội dung tập huấn tập trung cập nhật các chủ trương, định hướng về chuyển đổi số; hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số thiết yếu; kỹ năng hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và bảo đảm an toàn thông tin trên môi trường mạng.

Cùng với đó, Trung tâm Chuyển đổi số và Truyền thông tỉnh cũng phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền Phong trào “Bình dân học vụ số” tại cơ sở; hỗ trợ triển khai mô hình “Công dân số cộng đồng” tại các xã, phường. Đồng thời, tổ chức 10 hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng cũng được triển khai tại các tổ dân phố, thôn, xóm.

Từ thực tiễn triển khai tại cơ sở có thể khẳng định, mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng đang từng bước cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thông qua lực lượng nòng cốt tại thôn, tổ dân phố, chủ trương lấy người dân làm trung tâm, là chủ thể và động lực của chuyển đổi số được triển khai bằng những việc làm cụ thể, sát thực tiễn. Việc nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng không chỉ góp phần phổ cập kỹ năng số trong cộng đồng mà còn tạo nền tảng quan trọng để các mục tiêu của Nghị quyết từng bước đi vào cuộc sống, thúc đẩy xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số từ cơ sở. Đây chính là động lực quan trọng để Ninh Bình tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu chuyển đổi số toàn diện, bền vững trong thời gian tới.

Nguồn: baoninhbinh.org.vn

THANH HÓA: KHÔNG YÊU CẦU NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP NỘP LẠI GIẤY TỜ ĐÃ CÓ TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa vừa ban hành văn bản chỉ đạo về việc tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Theo đó, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 159/VPCP-CĐS ngày 13/2/2026 về việc tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Quang Hùng yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Công an tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiêm túc triển khai việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh khi tham mưu xây dựng văn bản quy định thủ tục hành chính, phải tái cấu trúc thành phần hồ sơ trên cơ sở khai thác dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ; tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp bản giấy đối với những thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu.

Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 7 theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chỉ đạo các tổ chức hành nghề công chứng, doanh nghiệp, trường học, tổ chức tín dụng... không yêu cầu cá nhân cung cấp bản sao chứng thực khi đã có bản chính để đối chiếu hoặc thông tin đã được tích hợp, chia sẻ từ ứng dụng VNeID.

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phải chủ động khai thác, tái sử dụng thông tin trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; công khai danh mục thành phần hồ sơ đã được thay thế bằng dữ liệu điện tử trên trang thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công quốc gia và tại Bộ phận Một cửa để người dân, doanh nghiệp giám sát.

Đồng thời, tăng cường tiếp nhận, xử lý dứt điểm phản ánh, kiến nghị liên quan đến việc yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã được thay thế bằng dữ liệu; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức vi phạm, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh được giao phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin của các bộ, ngành Trung ương khi có yêu cầu, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn.

Nguồn: baothanhhoa.vn

NGHỆ AN: TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC ĐẤT ĐAI; TRIỂN KHAI SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Kết luận Phiên họp thường kỳ để nghe và cho ý kiến về tình hình thực hiện kinh tế - xã hội tháng 02/2026, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháng 3/2026 và các nội dung thuộc thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An Võ Trọng Hải đánh giá, trong tháng 02/2026, tỉnh đã tổ chức tốt các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân; Nhân dân đón Tết vui tươi, an toàn, ấm cúng. Triển khai thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, quan tâm chăm lo Tết cho người nghèo, người yếu thế...

Các lĩnh vực kinh tế tiếp tục duy trì kết quả tích cực. Thu ngân sách ước đạt 5.578 tỷ đồng, đạt 23,9% dự toán, tăng 15,8% so với cùng kỳ.

Tỉnh Nghệ An cũng tích cực triển khai công tác chuẩn bị bầu cử bảo đảm theo lộ trình. Tinh thần chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trước, trong và sau Tết được thực hiện tốt, triển khai ngay vào công việc. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo tuyệt đối.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An yêu cầu, trong thời gian tới, các cấp, các ngành tập trung cho mục tiêu tăng trưởng năm 2026; rà soát, tập trung ngay vào thực hiện nhiệm vụ được giao với tinh thần khẩn trương, không để chậm trễ công việc.

Các Tổ công tác do các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm tổ trưởng chủ động rà soát, đánh giá tình hình thực hiện quý I/2026 để chỉ đạo thực hiện bảo đảm kích bản tăng trưởng.

Quyết liệt triển khai các dự án trọng điểm

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An yêu cầu các Sở, ngành khẩn trương thực hiện kết luận của Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo các công trình, dự án trọng điểm, bám sát các mốc tiến độ khởi công, tiến độ hoàn thành để quyết liệt thực hiện.

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan, định kỳ hàng tuần báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ thực hiện từng dự án trọng điểm. Các đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công tập trung chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc bảo đảm tiến độ các dự án trọng điểm.

Thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Tập trung thực hiện Chỉ thị số 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo công tác quản lý đầu tư công, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản.

Sở Tài chính chủ trì rà soát, trình cấp có thẩm quyền xử lý số vốn còn lại chưa giải ngân đến ngày 31/01/2026 của kế hoạch đầu tư công năm 2025. Rà soát tham mưu triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2026 và xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030.

Sở Xây dựng chủ trì, khẩn trương thực hiện chỉnh trang đô thị, nhất là tuyến đường, công viên trên địa bàn các phường đô thị Vinh, Cửa Lò,... Tham mưu phương án nâng cấp hệ thống chống ngập úng đô thị.

Tập trung giải quyết thủ tục hành chính về đất đai

Về đất đai, khoáng sản, tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 08 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giải phóng mặt bằng. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tính toán việc cung ứng đủ vật liệu xây dựng để phục vụ các dự án trọng điểm và nghiên cứu giao các mỏ trực tiếp cho Chủ đầu tư.

Tập trung giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp đảm bảo đúng thời hạn, đúng quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp bảo đảm thời vụ, cơ cấu cây trồng hợp lý, đặc biệt là công tác chống hạn, bảo đảm nước tưới.

Rà soát các nội dung liên quan đến chống khai thác IUU theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của Uỷ ban Châu Âu. Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương rà soát, xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia mới giai đoạn 2026 - 2030.

Phải có tư duy đột phá cho mùa du lịch biển Cửa Lò

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An giao Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tăng cường công tác quản lý văn hoá, dịch vụ tâm linh, lễ hội Xuân gắn với phát triển du lịch. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ dự án Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu bảo đảm hoàn thành trước ngày 30/4/2026.

Đồng thời, phải có tư duy đột phá cho mùa du lịch biển Cửa Lò sắp tới; không chỉ dừng lại ở tắm biển và ăn uống, cần xây dựng các tour liên kết; nghiên cứu tổ chức các chương trình nghệ thuật định kỳ...

Sở Y tế chỉ đạo bảo đảm an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, đặc biệt tại các lễ hội Xuân đầu năm. .

Tham mưu, đơn đốc triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị sự nghiệp

Sở Nội vụ tập trung tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 07 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp, đẩy mạnh phân cấp phân quyền trên địa bàn tỉnh.

Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường lao động, việc làm sau kỳ nghỉ Tết, nhất là tại các khu công nghiệp để có giải pháp hỗ trợ.

Phối hợp với Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam tổ chức Ngày hội việc làm tại các khu công nghiệp để kết nối cho doanh nghiệp tuyển dụng lao động.

Cùng với đó, chủ trì tham mưu công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (vào ngày 15/3/2026).

Nguồn: xaydungchinhhsach.chinhphu.vn

KHÁNH HÒA: TINH GỌN BỘ MÁY THEO HƯỚNG GIẢM CẤP PHÓ, TĂNG CÁN BỘ CHUYÊN MÔN

Ngày 23/02/2026, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã ban hành Chương trình hành động nhằm triển khai hiệu quả Kết luận số 210-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Chương trình tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về sắp xếp tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Theo Chương trình hành động, Tỉnh ủy Khánh Hòa yêu cầu tập trung xây dựng các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp tỉnh, cấp xã, cùng với các cơ quan tham mưu của cấp ủy, chính quyền địa phương, đảm bảo tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả. Mục tiêu duy trì hoạt động thông suốt của hệ thống chính trị, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

Tỉnh ủy Khánh Hòa nhấn mạnh việc tiếp tục rà soát, tinh gọn bộ máy bên trong các sở, ban, ngành. Các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở giáo dục, y tế và doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ được sắp xếp theo chỉ đạo của Trung ương và kế hoạch của tỉnh, nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt người dân và xã hội. Đồng thời, đẩy mạnh thực hiện tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tỉnh ủy Khánh Hòa cũng yêu cầu hoàn thành việc sắp xếp lại đầu mối bên trong cơ quan Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng. Việc sắp xếp các thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách tại thôn, tổ dân phố cũng sẽ được thực hiện phù hợp với tình hình mới.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, Tỉnh ủy Khánh Hòa yêu cầu tập trung xây dựng chính quyền số, xã hội số, công dân số, bình dân học vụ số, cùng với việc xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã. Nguồn lực sẽ được quan tâm bố trí để hỗ trợ đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trên toàn tỉnh.

Về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Tỉnh ủy Khánh Hòa yêu cầu thực hiện nghiêm các quy định mới của Trung ương về công tác cán bộ; lãnh đạo, chỉ đạo việc đánh giá định kỳ đối với cán bộ theo bộ tiêu chí KPI.

Các cơ quan, đơn vị cần tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, đạo đức trong sáng, chất lượng cao về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Khuyến khích đổi mới, sáng tạo, chú trọng cán bộ nữ, cán bộ trẻ đủ năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Tỉnh ủy Khánh Hòa cũng đề nghị thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, đảm bảo công khai, minh bạch, và đấu tranh kiên quyết với các hành vi chạy chức, chạy quyền.

Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia giỏi ở các lĩnh vực quan trọng, ngành mũi nhọn để phục vụ phát triển nhanh, bền vững.

Việc bố trí, sắp xếp số lượng lãnh đạo cấp phó cũng được yêu cầu phù hợp, đảm bảo đến hết năm 2030 số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức thực hiện đúng quy định. Tỉnh ủy Khánh Hòa cũng yêu cầu tiếp tục tập trung bố trí đủ cán bộ, công chức chuyên môn ở cấp xã nhằm tăng cường năng lực quản lý, điều hành và nâng cao chất lượng phục vụ người dân ở cơ sở.

Đáng chú ý, Tỉnh ủy Khánh Hòa tiếp tục thực hiện việc bố trí chức danh Bí thư cấp ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân không phải là người địa phương tại cấp xã theo đúng chỉ đạo của Trung ương, duy trì bố trí 100% Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp tỉnh, cấp xã không phải là người địa phương.

Nguồn: dantri.com.vn

ĐỒNG NAI: DỰ KIẾN KHẢO SÁT 6.350 PHIẾU ĐO MỨC ĐỘ HÀI LÒNG

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2026. Kết quả khảo sát là tiêu chí chấm điểm, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Theo đó, khảo sát thực hiện trong năm 2026, với 6.350 phiếu, gồm 650 phiếu cho các sở, ngành (50 phiếu/đơn vị) và 5.700 phiếu cho xã, phường (60 phiếu/đơn vị). Đối tượng là người dân, tổ chức đã thực hiện và nhận kết quả thủ tục hành chính trong năm.

Nội dung đánh giá tập trung vào khả năng tiếp cận dịch vụ, chất lượng thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến, thái độ phục vụ của công chức, kết quả giải quyết hồ sơ (thời gian, chi phí) và việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị. Sở Nội vụ chủ trì triển khai, tổng hợp và tham mưu công bố kết quả; các cơ quan, địa phương phối hợp tổ chức thực hiện và khắc phục kịp thời những hạn chế được phản ánh qua khảo sát.

Nguồn: baodongnai.com.vn

CẦN THƠ HIỆN ĐẠI HÓA DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Chiều ngày 26/02/2026, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam đã ký kết thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2026 - 2030.

Các lĩnh vực hợp tác tập trung vào việc xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi mô hình quản lý, cung cấp dịch vụ công, hướng đến sự phục vụ tốt nhất cho người

dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Trung tâm Phục vụ hành chính công và hệ thống bưu điện các xã, phường tăng cường phối hợp để bưu điện trở thành điểm phục vụ dịch vụ công, nhận và trả kết quả các thủ tục hành chính nhanh chóng, hiệu quả.

Việc ký kết hợp tác nhằm đơn giản hóa quy trình, tăng tính minh bạch, nâng cao chất lượng, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, hướng tới sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Đồng thời phát triển sâu rộng thương mại điện tử, đặc biệt là hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phát triển kinh tế; tăng cường các giải pháp chi trả an sinh xã hội, bảo đảm nhanh chóng, chính xác và thuận tiện...

Theo nội dung hợp tác, Bưu điện Việt Nam sẽ ưu tiên nguồn lực nâng cấp bưu điện xã, phường theo mô hình “Trung tâm dịch vụ bưu chính - hành chính công xã” kết hợp kinh doanh đa dịch vụ, bảo đảm 100% xã, phường có đủ diện tích phục vụ. Các trang thiết bị như máy tính, máy in, camera và các công cụ hỗ trợ sẽ được Bưu điện Việt Nam đầu tư nhằm giúp người dân tiếp cận dịch vụ số ngay tại cơ sở.

Bên cạnh dịch vụ chuyển phát và tài chính bưu chính, bưu điện xã, phường tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ chi trả an sinh xã hội, phân phối bán lẻ hàng hóa thiết yếu và một số dịch vụ phục vụ dân sinh khác.

Trong lĩnh vực tài chính bưu chính, hai bên thống nhất mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ tài chính bưu chính toàn diện đến 100% bưu điện xã, phường và một số ấp, khu vực vùng sâu, vùng xa. Các dịch vụ bao gồm: Thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển tiền, tiết kiệm bưu điện, thanh toán hóa đơn...

Đáng chú ý, Bưu điện Việt Nam sẽ triển khai trọn bộ giải pháp chuyển đổi số dành cho hộ kinh doanh, hỗ trợ hộ kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ, vừa thực hiện các quy định về hóa đơn điện tử, chữ ký số, bảo hiểm xã hội và công cụ bán hàng theo hướng đơn giản, tiết kiệm, phù hợp điều kiện thực tế.

Trong lĩnh vực kinh tế số, hai bên phối hợp phát triển thương mại điện tử; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm OCOP, đặc sản địa phương thông qua sàn thương mại điện tử nông sản (<https://nongsan.buudien.vn>), hệ thống cửa hàng Bách hóa Bưu điện và các kênh phân phối khác. Bưu điện Việt Nam cũng đầu tư phát triển các dịch vụ vận chuyển, kho bãi, phân phối và kết nối tiêu thụ hàng hóa, góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, hàng hóa của Cần Thơ.

Phát biểu tại buổi lễ, ông Trương Cảnh Tuyên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhấn mạnh, năm 2025 chỉ số năng lực cạnh tranh PCI của thành phố đã có bước nâng bậc đáng kể, sự hài lòng của người dân được nâng cao. Để đạt được những kết quả này, bên cạnh sự nỗ lực của chính quyền và nhân dân, có sự đóng góp, đồng hành rất quan trọng của Bưu điện Việt Nam.

Trong quá trình triển khai mô hình chính quyền hai cấp, Bưu điện Việt Nam đã rất tích cực tham gia vận hành cùng chính quyền cơ sở tại 103 xã, phường, giúp đảm bảo bộ máy chính quyền hoạt động thông suốt. Bưu điện Việt Nam cũng hỗ trợ đắc lực trong việc chi trả bảo trợ xã hội và thực hiện các dịch vụ thuế tại cơ sở.

Ông Chu Quang Hào, Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam cho biết, quan điểm của hai bên là lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; lấy hiệu quả thực tiễn, mức độ hài lòng của người dân và hiệu quả sử dụng nguồn lực làm thước đo. Điều quan trọng trong lần hợp tác giữa hai bên không dừng ở việc mở thêm một kênh cung ứng dịch vụ mà hướng tới chuẩn hóa trải nghiệm phục vụ, tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, giảm thời gian chờ đợi và giảm chi phí xã hội.

Nguồn: [nhandan.vn](#)

ĐỒNG THÁP: ĐẢM BẢO GIẢI QUYẾT THỦ TỤC THÔNG SUỐT

Hòa chung không khí phấn khởi của những ngày đầu xuân trên cả nước, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp chính thức trở lại làm việc sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài 9 ngày.

Ghi nhận tại các điểm giải quyết về thủ tục hành chính với số lượng đông đúc người dân, doanh nghiệp, tinh thần khẩn trương, nghiêm túc và thái độ phục vụ tận tâm của cán bộ, công chức đã tạo nên một khởi đầu thuận lợi, hứa hẹn một năm đột phá trong công tác cải cách hành chính của tỉnh.

Chủ động từ sớm, phục vụ thông suốt

Sau kỳ nghỉ tết kéo dài, sáng ngày 23/02/2026, toàn bộ hệ thống chính trị tỉnh Đồng Tháp đã đồng loạt kích hoạt chế độ làm việc với hiệu suất cao nhất.

Khác với quan niệm cũ “tháng Giêng là tháng ăn chơi”, tinh thần làm việc tại Đất Sen hồng ngay từ những giờ đầu tiên của năm mới Bính Ngọ 2026 thể hiện diện mạo hoàn toàn khác: Chuyên nghiệp, kỷ cương và lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo.

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (gọi tắt là Trung tâm) tỉnh Đồng Tháp ngay từ sáng sớm, cán bộ, công chức có mặt đông đủ, chỉnh tề tại các vị trí tiếp nhận hồ sơ. Đúng 7 giờ 30 phút, hệ thống máy tính, máy lấy số thứ tự và các thiết bị hỗ trợ sẵn sàng vận hành.

Tương tự, tại Trung tâm phường Mỹ Tho, không khí làm việc vô cùng khẩn trương. Từ 7 giờ 20 phút, cán bộ, công chức tại đây hoàn tất công tác kiểm tra hạ tầng kỹ thuật, vận hành thử hệ thống phần mềm để đảm bảo không có sự cố đường truyền trong ngày đầu năm. Sự chuẩn bị kỹ lưỡng này giúp người dân không phải chờ đợi lâu, tạo tâm lý thoải mái cho những “khách hàng” đầu tiên của năm mới.

Theo ghi nhận, 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có mặt đúng giờ quy định. Không chỉ ở cấp tỉnh, tại 102 xã, phường, bộ máy hành chính vận hành trơn tru, cho thấy sự nghiêm túc trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Tại các quầy giao dịch, mỗi công chức không chỉ thực hiện đúng quy trình chuyên môn, mà còn chủ động hướng dẫn, hỗ trợ người dân hoàn thiện hồ sơ ngay từ khâu đầu tiên, giúp giảm thiểu sai sót và hạn chế việc phải bổ sung hồ sơ nhiều lần, đây là một trong những điểm nhấn gây phiền hà cho người dân bấy lâu nay.

Nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính

Bước sang năm 2026, cải cách hành chính tại tỉnh Đồng Tháp tiếp tục ghi nhận những bước tiến dài nhờ sự kết hợp giữa công nghệ và quản trị linh hoạt.

Tại Trung tâm phường Mỹ Tho, con số ấn tượng được đưa ra từ ngày 01/7/2025 đến nay, đơn vị đã xử lý hơn 6.000 hồ sơ với tỷ lệ đúng và trước hạn đạt trên 97%. Đây là kết quả của việc đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến và số hóa quy trình.

Trong khi đó, tại Trung tâm xã Bình Ninh, lượng công dân đến giao dịch trong sáng ngày 23/02/2026 tăng khoảng 20% so với ngày thường, tập trung ở các lĩnh vực như: Tư pháp, hộ tịch và đất đai. Để ứng phó, Trung tâm đã áp dụng phương án điều hành linh hoạt.

Các quầy được tổ chức linh hoạt, công chức được đào tạo để có thể tiếp nhận đa năng nhiều loại hồ sơ khác nhau khi lượng người dân ở một lĩnh vực nào đó tăng đột biến. Quan điểm của chúng tôi là chính quyền phải gần dân, sát dân, đáp ứng đúng nhu cầu thực tế để phục vụ tốt hơn”.

Tại phường Cao Lãnh, Trung tâm phường bố trí 13 quầy tiếp nhận và 4 bàn hướng dẫn riêng biệt để phân luồng người dân ngay từ cửa vào. Sự phân bổ khoa học giúp không gian làm việc nơi đây dù đông đúc nhưng vẫn giữ được sự trật tự, văn minh.

Có thể thấy, việc 100% cán bộ, công chức bắt tay ngay vào việc chuyên môn sau tết là tiền đề quan trọng để tỉnh Đồng Tháp hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong năm 2026. Đây cũng là minh chứng cho việc thực hiện hóa các nghị quyết về cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

Khi mỗi bộ hồ sơ được giải quyết nhanh hơn, mỗi nụ cười của người dân khi rời công sở trở nên rạng rỡ hơn, đó chính là thành công lớn nhất của bộ máy chính quyền.

Với khí thế khẩn trương và quyết tâm cao độ ngay từ những ngày đầu xuân, tin rằng tỉnh Đồng Tháp sẽ tiếp tục là điểm sáng trong công tác cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi nhất để thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển bền vững.

Nguồn: baodongthap.vn

XÂY DỰNG THỂ CHẾ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ BẠC: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GỢI MỞ CHÍNH SÁCH

Già hóa dân số, xu hướng không thể đảo ngược trên toàn cầu, tác động mạnh đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Đứng trước yêu cầu cấp bách, các quốc gia đẩy mạnh cải cách thể chế, ban hành các chính sách thích ứng linh hoạt, tận dụng cơ hội, đặc biệt là việc thúc đẩy phát triển “nền kinh tế bạc”. Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan là các quốc gia có nhiều đổi mới về thể chế, xây dựng các mô hình tiêu biểu của nền kinh tế bạc. Đây là những tham khảo hữu ích đối với Việt Nam.

Trong hơn hai thập niên đầu thế kỷ XXI, thế giới đang chứng kiến quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh, đặc biệt ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, khu vực tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đồng thời đang phải đối mặt với những biến đổi sâu sắc trong cơ cấu dân số.

Việt Nam chính thức bắt đầu bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011 và quá trình già hóa dân số đang diễn ra với tốc độ nhanh. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng thể chế phù hợp để hướng tới nền kinh tế bạc (silver economy) - một cấu phần của nền kinh tế hiện đại, nơi người cao tuổi không chỉ là đối tượng thụ hưởng an sinh, mà còn là chủ thể tích cực tham gia sản xuất, tiêu dùng và sáng tạo giá trị, góp phần vào tăng trưởng bao trùm và phát triển bền vững.

Nhật Bản, Hàn Quốc và Thái Lan được xem là các mô hình tiêu biểu ở ba cấp độ phát triển khác nhau: quốc gia công nghiệp phát triển (Nhật Bản), nền kinh tế mới nổi (Hàn Quốc), quốc gia đang phát triển trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Thái Lan). Việc nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia giúp Việt Nam xác định hướng đi phù hợp trong quá trình hoàn thiện thể chế, bảo đảm chuyển từ “thích ứng với già hóa dân số” sang “chủ động khai thác cơ hội” nhằm thúc đẩy phát triển nền kinh tế bạc quốc gia.

Xu thế già hóa dân số ở châu Á

Theo Báo cáo Dân số thế giới năm 2024 của Liên hợp quốc, châu Á đang chứng kiến làn sóng già hóa nhanh nhất toàn cầu. Năm 2024, Nhật Bản là nước châu Á nằm trong nhóm tám quốc gia già hóa nhất thế giới, dự báo đến năm 2050, khu vực này sẽ có hơn một nửa các quốc gia/vùng lãnh thổ già nhất. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đưa ra khuyến cáo, số lượng người hơn 60 tuổi tại các nước châu Á - Thái Bình Dương dự kiến tăng lên mức 1,2 tỷ người vào năm 2050⁽¹⁾. Không giống như châu Âu khi quá trình già hóa dân số diễn ra từ từ và khá đồng đều, ở châu Á, quá trình này có khoảng cách giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Cụ thể, ở các nước phát triển và mới nổi như Nhật Bản, Hàn Quốc là những nước đi đầu của làn sóng già hóa dân số ở châu Á, quá trình này bắt đầu từ cuối thập niên 80 và 90 của thế kỷ XX sau những giai đoạn kinh tế bùng nổ. Nhóm nước đang phát triển như Thái Lan, Việt Nam... bắt đầu sau nhưng có tốc độ già hóa nhanh và đang đứng trước ngưỡng cửa trở thành quốc gia có dân số già, khi tỷ lệ sinh sụt giảm. Một số nước như

Ấn Độ, Indonesia... hiện được đánh giá là xã hội trẻ nhưng được dự báo sẽ sớm bước vào giai đoạn già hóa dân số.

Không thể phủ nhận, số người cao tuổi gia tăng là minh chứng cho thành tựu về y tế của các quốc gia, với hiệu quả của các chương trình chăm sóc sức khỏe được nâng cao, giúp tăng tuổi thọ của người dân. Tuy nhiên, hàng loạt vấn đề đặt ra với một nền kinh tế già hóa. Tỷ lệ sinh thấp và dân số già hóa đặt ra mối lo ngại thiếu hụt trầm trọng nhân lực, là rào cản đối với tiến trình phát triển kinh tế. Dân số già cũng gây áp lực cho hệ thống y tế và phúc lợi xã hội, đòi hỏi sự đầu tư vào trang thiết bị và hạ tầng chăm sóc sức khỏe. Cụ thể là:

Về phương diện kinh tế, trước tiên, tác động lớn đến thị trường lao động. Với dân số trong độ tuổi lao động ngày càng giảm, các quốc gia đang phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động, cản trở tăng trưởng kinh tế. Đơn cử như tại Nhật Bản, năm 2022, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của Nhật Bản trong độ tuổi 15 - 64 là 77%, tăng từ 74% năm 2000, cho thấy những nỗ lực nhằm giảm thiểu sự suy giảm lực lượng lao động. Tuy nhiên, sự gia tăng này chưa bù đắp được hoàn toàn cho sự sụt giảm số lượng lao động.

Tình trạng thiếu hụt lao động dẫn đến mức lương cao hơn, nhất là trong các lĩnh vực đang thiếu hụt nhân lực nghiêm trọng như chăm sóc sức khỏe. Đơn cử như, mức lương trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe ở Nhật Bản đã tăng 2,5% hằng năm từ năm 2010 đến năm 2020, vượt xa mức tăng trưởng lương trung bình 1,2% trong cùng kỳ. Mức lương cao hơn có thể cải thiện mức sống, nhưng cũng làm tăng chi phí sản xuất, có thể dẫn đến áp lực lạm phát.

Ngoài ra, dân số già hóa làm tăng tỷ lệ phụ thuộc (số lượng người phụ thuộc được đo lường từ 0-14 tuổi và trên 65 tuổi) so với dân số trong độ tuổi lao động. Tỷ lệ phụ thuộc của Nhật Bản là 68% vào năm 2023, tăng từ 50% vào năm 2000, gây áp lực đáng kể lên hệ thống an sinh xã hội. Chi tiêu lương hưu công tăng tương ứng, từ 7,9% GDP năm 2000 lên 10,2% vào năm 2020. Chi phí chăm sóc sức khỏe tăng vọt, với chi tiêu của chính phủ cho chăm sóc sức khỏe tăng từ 6,5% GDP năm 2000 lên 10,7% vào năm 2020.

Đến năm 2023, 7,3 triệu người cao tuổi Nhật Bản cần được chăm sóc dài hạn, tăng từ 3,5 triệu người vào năm 2000. Nhu cầu này gây áp lực lên cả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chính thức và mạng lưới chăm sóc không chính thức, chủ yếu bao gồm các thành viên trong gia đình. Gánh nặng chăm sóc dồn lên vai phụ nữ, làm trầm trọng thêm bất bình đẳng giới trên thị trường lao động và trong các hộ gia đình.

Về phương diện xã hội, dân số già hóa ảnh hưởng đến thị trường nhà ở. Nhu cầu về nhà ở thân thiện với người cao tuổi tăng lên, thúc đẩy những thay đổi trong thiết kế nhà ở và quy hoạch đô thị. Tại Nhật Bản, năm 2020, 20% nhà mới xây lỗi vào không có bậc thang và cửa ra vào rộng hơn để phù hợp với người cao tuổi. Tuy nhiên, nguồn cung không theo kịp nhu cầu, dẫn đến giá nhà tăng cao và gia tăng áp lực tài chính cho chủ nhà và người thuê nhà cao tuổi.

Sự thay đổi nhân khẩu học ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa các thế hệ và cấu trúc cộng đồng. Khi các gia đình có mô hình ngày càng nhỏ hơn, có xu hướng phân tán, hệ thống hỗ trợ dựa trên gia đình truyền thống bị suy yếu. Thực trạng này dẫn đến tình trạng bị cô lập với xã

hội ở người cao tuổi (với 20% người từ 65 tuổi trở lên sống một mình vào năm 2020, tăng từ 14% vào năm 1995), gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc bảo đảm sức khỏe như gia tăng bệnh lý trầm cảm, suy giảm nhận thức,... đặt ra thách thức cho hệ thống y tế công cộng.

Từ “thích ứng bị động” sang “chủ động khai thác cơ hội” nhằm thúc đẩy phát triển “nền kinh tế bạc”

Trước xu thế trên, một số quốc gia châu Á đã chuyển hướng từ tư duy “thích ứng bị động” sang “chủ động tận dụng cơ hội”; trong đó, kinh tế bạc được xác lập như một trụ cột chiến lược trong chính sách phát triển quốc gia. Mô hình thể chế mới được định hình theo hướng kết hợp giữa phúc lợi xã hội, thị trường hóa và đổi mới sáng tạo, lấy công nghệ số và y tế thông minh làm động lực. Người cao tuổi không còn là “gánh nặng”, mà trở thành nguồn lực kinh tế - xã hội.

Có thể khẳng định, thực tiễn các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan có các điểm tương đồng: *Thứ nhất*, coi “kinh tế bạc” là một trong những thành tố quan trọng của chiến lược phát triển quốc gia, không tách rời khỏi chiến lược dân số, việc làm và an sinh xã hội; *Thứ hai*, tiến hành thể chế hóa đồng bộ chính sách về già hóa dân số, từ trung ương, địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng. Tuy nhiên, ở mỗi quốc gia có những cải cách thể chế phù hợp với điều kiện trong nước. Nhật Bản nhấn mạnh quy chuẩn hóa chất lượng dịch vụ, xây dựng thể chế hoàn chỉnh và tài chính bền vững; Hàn Quốc tập trung tạo động lực thị trường và khởi nghiệp, thúc đẩy “kinh tế bạc công nghệ cao”; Thái Lan phát huy tính linh hoạt và sáng kiến địa phương, thể chế hóa trên nền tảng cộng đồng. Cụ thể là:

Nhật Bản: Thể chế hóa toàn diện - từ an sinh xã hội đến “nền kinh tế bạc” năng động

Nhật Bản là quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới với gần 30% dân số trên 65 tuổi (năm 2025). Đến nay, quy mô “nền kinh tế bạc” của nước này ước đạt trên 1.000 tỷ USD/năm. Sự thành công của Nhật Bản nhờ tiềm lực kinh tế và quan trọng hơn, do năng lực thể chế hóa đồng bộ, hiệu quả.

Về khung pháp lý và thể chế hóa, ngay từ thập niên 90 của thế kỷ XX, Nhật Bản đã ban hành Luật Dịch vụ chăm sóc dài hạn (Long-term Care Insurance Act, 1997) - đạo luật mang tính bước ngoặt, chú trọng công tác chăm sóc người cao tuổi là một lĩnh vực dịch vụ kinh tế - xã hội, thay vì chỉ là nhiệm vụ phúc lợi, an sinh xã hội. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo khung thể chế, còn việc cung ứng dịch vụ được mở rộng cho khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội.

Đồng thời, Chính phủ Nhật Bản triển khai Chiến lược quốc gia về xã hội già hóa năng động (Active Aging Society), trong đó người cao tuổi được khuyến khích tiếp tục tham gia lao động, cống hiến và học tập suốt đời. Khái niệm “nền kinh tế bạc” được thể chế hóa trong các văn kiện phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia này.

Về cơ chế tài chính và phân bổ nguồn lực, Hệ thống bảo hiểm chăm sóc dài hạn (LTCI) là một trong những cải cách thể chế đáng chú ý. Hệ thống được hình thành từ đóng góp của người lao động, doanh nghiệp và ngân sách nhà nước, bảo đảm tính bền vững tài chính. Chính phủ Nhật Bản tạo cơ chế khuyến khích “doanh nghiệp bạc” - những doanh nghiệp sản

xuất hàng hóa, dịch vụ, công nghệ phục vụ người cao tuổi - thông qua chính sách ưu đãi thuế, tín dụng và tiêu chuẩn hóa sản phẩm.

Đối với mô hình quản trị và đổi mới sáng tạo, Nhật Bản thiết lập các “cụm kinh tế bạc” (silver clusters) gắn với chiến lược phát triển vùng và đô thị thân thiện với người cao tuổi. Các doanh nghiệp công nghệ, viện nghiên cứu và chính quyền địa phương cùng hợp tác phát triển sản phẩm, robot chăm sóc, thiết bị y tế thông minh. Thể chế phân quyền được thực hiện mạnh mẽ, chính quyền địa phương được trao quyền sáng tạo mô hình “Thành phố bạc” - kết nối doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cộng đồng trong chuỗi đổi mới sáng tạo.

Có được những kết quả trên nhờ Nhật Bản nhận thức sớm tính cấp thiết về thể chế hóa, coi già hóa là một trụ cột chiến lược, không phải là phản ứng bị động; kết hợp nhà nước - thị trường - cộng đồng, tạo hệ sinh thái đa tầng; tích hợp kinh tế bạc vào chiến lược đổi mới sáng tạo quốc gia, hướng tới xã hội “100 năm tuổi”.

Hàn Quốc: Nhà nước kiến tạo và doanh nghiệp dẫn dắt

Hàn Quốc bước vào giai đoạn già hóa nhanh nhất châu Á. Trong giai đoạn 2000 - 2025, tỷ lệ người trên 65 tuổi tăng từ 7% lên 20%, nhanh gấp bốn lần so với Nhật Bản trong cùng giai đoạn. Chính phủ Hàn Quốc từng phải tuyên bố tình trạng khẩn cấp quốc gia về dân số, khi số dân trong độ tuổi lao động dự kiến giảm gần 10 triệu người tới năm 2044. Trước thực trạng này, Chính phủ Hàn Quốc đã nhanh chóng đổi mới tư duy, đặc biệt là tư duy thể chế “chính phủ kiến tạo thị trường”, kết hợp quản lý nhà nước mạnh mẽ với khuyến khích sáng tạo khu vực tư nhân.

Về chính sách và khung thể chế quốc gia, từ năm 2008, Hàn Quốc ban hành Luật Bảo hiểm chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi, tiếp thu mô hình Nhật Bản nhưng điều chỉnh theo đặc thù kinh tế. Chính phủ Hàn Quốc coi “kinh tế bạc” là trụ cột của chiến lược tăng trưởng xanh và đổi mới sáng tạo xã hội. Hệ thống thể chế được tổ chức đa tầng, do Bộ Y tế và Phúc lợi chủ trì, nhưng có sự tham gia của Bộ Thương mại, Công nghiệp và Doanh nghiệp nhỏ trong phát triển công nghiệp “bạc”.

Chính phủ Hàn Quốc xây dựng “Chiến lược quốc gia về xã hội già hóa bền vững” (2021 - 2040), xác định ba trụ cột: chăm sóc sức khỏe, việc làm và đổi mới sáng tạo. Các chính sách được lồng ghép vào kế hoạch phát triển vùng và đô thị thông minh.

Về cơ chế thị trường và vai trò của doanh nghiệp, Hàn Quốc là quốc gia châu Á đầu tiên phát triển “Silver Voucher System”, một cơ chế cho phép người cao tuổi dùng phiếu hỗ trợ để mua dịch vụ chăm sóc tư nhân. Cách tiếp cận này giúp mở rộng thị trường, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân cung ứng dịch vụ chất lượng cao, giảm gánh nặng ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó, Chính phủ Hàn Quốc khuyến khích phát triển các “doanh nghiệp bạc” khởi nghiệp trong lĩnh vực robot, y tế số, sản phẩm hỗ trợ sinh hoạt người cao tuổi. Hệ thống tài chính ưu đãi, quỹ đầu tư mạo hiểm và vườn ươm sáng tạo được thiết kế để thu hút trí thức trẻ vào “lĩnh vực bạc”.

Đối với thể chế lao động và an sinh linh hoạt, Hàn Quốc điều chỉnh chính sách hưu trí và việc làm linh hoạt. Người cao tuổi có thể tiếp tục làm việc bán thời gian, nhận lương và bảo

hiếm đồng thời. Chính phủ ban hành chương trình “Work Again 60+”, tạo cơ chế tái đào tạo, chuyển nghề, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng lao động lớn tuổi. Đây là mô hình thể chế dung hòa giữa an sinh xã hội và năng suất lao động.

Bài học rút ra của Hàn Quốc: *Thứ nhất*, nhà nước đóng vai trò kiến tạo khung chính sách và điều phối liên ngành, không làm thay thị trường; *thứ hai*, khuyến khích khu vực tư nhân và khởi nghiệp xã hội tham gia cung ứng dịch vụ người cao tuổi; *thứ ba*, xây dựng thể chế linh hoạt, tạo cơ hội việc làm và học tập suốt đời cho người cao tuổi; *thứ tư*, lồng ghép chính sách dân số, đổi mới sáng tạo và kinh tế số, hướng tới “xã hội bạc thông minh”.

Thái Lan: Xây dựng thể chế linh hoạt trong bối cảnh nền kinh tế đang phát triển

Thái Lan có mức thu nhập trung bình và cơ cấu dân số tương tự Việt Nam. Thái Lan bước vào xã hội già hóa từ năm 2020 và được dự báo trở thành xã hội “siêu già” (super-aged) vào năm 2035, khi số người ở độ tuổi trên 60 tuổi chiếm hơn 30% dân số. Điểm nổi bật là Thái Lan đã thể chế hóa kinh tế bạc trong bối cảnh nguồn lực hạn chế, dựa trên cơ chế phối hợp giữa nhà nước, địa phương và cộng đồng.

Về định hướng thể chế quốc gia, Thái Lan ban hành Chiến lược quốc gia về xã hội già hóa (2023 - 2037), trong đó mục tiêu trọng tâm là “biến thách thức dân số già thành cơ hội phát triển”. Chính phủ thành lập Cục Kinh tế bạc quốc gia (National Silver Economy Office) trực thuộc Bộ Xã hội và Phát triển con người, có chức năng điều phối chính sách liên ngành.

Khác với Nhật Bản và Hàn Quốc, Thái Lan lựa chọn mô hình thể chế phân tầng mềm: Nhà nước định hướng, địa phương thực thi, cộng đồng và tổ chức xã hội đồng hành. Cơ chế này giúp huy động nguồn lực phi ngân sách, giảm phụ thuộc vào tài chính công.

Về chính sách cộng đồng và địa phương hóa thể chế, Thái Lan chú trọng phát triển mạng lưới “Community-based Elderly Care”, chăm sóc người cao tuổi tại chỗ. Các địa phương được cấp quyền sử dụng ngân sách linh hoạt để hỗ trợ hộ gia đình, đào tạo nhân viên chăm sóc, phối hợp với tổ chức phi chính phủ. Chính quyền địa phương trở thành “hạt nhân thể chế hóa” chính sách già hóa dân số.

Chính phủ Thái Lan khuyến khích các “doanh nghiệp bạc” hoạt động trong lĩnh vực nhà ở, du lịch, dịch vụ chăm sóc và y tế. Nhiều địa phương hình thành “Thành phố bạc” (“Silver City”) như Chiang Mai, nơi du lịch y tế và chăm sóc người già trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Đối với việc huy động khu vực tư nhân và hợp tác ASEAN, Thái Lan chủ trương mở cửa thị trường kinh tế bạc thông qua cơ chế ưu đãi đầu tư, miễn thuế cho các doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ, công nghệ liên quan. Chính phủ Thái Lan ký kết hợp tác với Nhật Bản và Hàn Quốc để đào tạo nhân lực chăm sóc, chuyển giao công nghệ và chia sẻ mô hình bảo hiểm.

Kinh nghiệm của Thái Lan là đã phân quyền và địa phương hóa thể chế giúp thích ứng linh hoạt với đặc thù vùng, miền; kết hợp chính sách xã hội với kinh tế du lịch và dịch vụ, tạo nguồn thu bền vững; tăng cường hợp tác khu vực ASEAN, hướng tới hình thành “Hành lang bạc Đông Nam Á”.

Từ kinh nghiệm của các quốc gia trên, Việt Nam rút ra một số tham khảo chủ yếu sau:

Thế chế hóa nền kinh tế bạc trong chiến lược phát triển quốc gia. Theo đó, ban hành Chiến lược quốc gia về phát triển nền kinh tế bạc đến năm 2045, xác định đây là một cấu phần của chiến lược dân số - phát triển nguồn nhân lực - tăng trưởng xanh. Đề xuất thành lập Ủy ban quốc gia về kinh tế bạc, điều phối chính sách giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cùng các địa phương.

Hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế tài chính. Sửa đổi, bổ sung Luật Người cao tuổi (năm 2009) theo hướng mở rộng quyền tham gia thị trường của người cao tuổi, khuyến khích doanh nghiệp cung ứng “sản phẩm, dịch vụ bạc”. Xây dựng quỹ bảo hiểm chăm sóc dài hạn theo mô hình Nhật Bản, Hàn Quốc, bảo đảm bền vững tài chính và chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước - doanh nghiệp - người dân.

Thúc đẩy khu vực tư nhân và khởi nghiệp xã hội. Từ kinh nghiệm của Hàn Quốc, cần hình thành “chương trình quốc gia về doanh nghiệp bạc”, hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực chăm sóc, y tế, nhà ở, du lịch, công nghệ hỗ trợ người cao tuổi. Khuyến khích mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong xây dựng trung tâm dưỡng lão, cơ sở phục hồi chức năng và hạ tầng chăm sóc thông minh.

Phát triển mô hình địa phương và cộng đồng. Tiếp thu kinh nghiệm Thái Lan về phân quyền thể chế, cho phép địa phương xây dựng “thành phố bạc”, “xã hội thân thiện người cao tuổi”. Huy động các tổ chức xã hội, tôn giáo, hiệp hội nghề nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ xã hội và đào tạo nhân lực chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số. Đưa kinh tế bạc vào Chiến lược chuyển đổi số quốc gia, phát triển “Silver Data Hub” - cơ sở dữ liệu dân số, y tế, bảo hiểm tích hợp. Xây dựng mạng lưới đổi mới sáng tạo bạc, kết nối viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp công nghệ.

Tóm lại, già hóa dân số không phải là thách thức riêng của Việt Nam mà là xu thế tất yếu toàn cầu. Tuy nhiên, tại mỗi quốc gia, năng lực thể chế hóa và quản trị quá trình già hóa dân số là yếu tố quyết định việc biến thách thức thành cơ hội. Kinh nghiệm của Nhật Bản, Hàn Quốc và Thái Lan cho thấy, chỉ khi nhà nước đóng vai trò kiến tạo, doanh nghiệp và cộng đồng được khuyến khích tham gia, thì nền kinh tế bạc mới có thể hình thành bền vững, tạo động lực tăng trưởng mới và củng cố nền an sinh xã hội toàn diện.

Việt Nam đặt ra mục tiêu đến năm 2045, trở thành một nước phát triển, có thu nhập cao. Đây được xem là mục tiêu nhiều thách thức, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động khó dự đoán, những thành quả của toàn cầu hóa đang bị đảo ngược do căng thẳng địa - chính trị và chiến tranh thương mại. Điều đáng quan tâm là, Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn dân số già vào năm 2036, trước gần một thập niên khi Việt Nam trở thành nước có thu nhập cao. Điều này phản ánh thực trạng tốc độ già hóa dân số đi trước năng lực tích lũy tài chính quốc gia. Do vậy, việc xây dựng thể chế cho nền kinh tế bạc không chỉ là đáp ứng nhu cầu dân số già, mà còn là bước tiến chiến lược trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - nơi con người, ở mọi độ tuổi, đều là chủ thể phát triển. Một nền thể chế linh hoạt,

bao trùm, lấy đổi mới sáng tạo và công nghệ làm động lực, sẽ giúp Việt Nam không chỉ thích ứng với già hóa dân số, mà còn vươn lên bằng sức mạnh của một xã hội “già hóa năng động”, hướng tới tầm nhìn 2045 - đất nước phồn vinh, hạnh phúc và nhân văn.

Tiến sĩ Nguyễn Thu Hương - Tạp chí Cộng sản

(1) “Thách thức từ già hóa dân số”, *Báo Nhân dân điện tử*, ngày 01/10/2024, <https://nhandan.vn/thach-thuc-tu-gia-hoa-dan-so-post834062.html>

TỪ “THỂ CHẾ” ĐẾN “THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN”: MỞ ĐƯỜNG CHO KHÁT VỌNG 2045

Năm 2045 - dấu mốc kỷ niệm 100 năm thành lập nước - đã được xác định là thời điểm Việt Nam phấn đấu trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Đây không chỉ là một mục tiêu kinh tế mang tính định lượng, mà là một lựa chọn chiến lược về mô hình phát triển, về chất lượng tăng trưởng và về tầm vóc quản trị quốc gia trong kỷ nguyên mới.

Trong định hướng đó, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng đã thể hiện tầm nhìn chiến lược và nhất quán khi nhấn mạnh yêu cầu “đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển”. Việc đặt thể chế vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển không phải là một điều chỉnh kỹ thuật, mà là một quyết định có tính nền tảng, phản ánh nhận thức sâu sắc rằng động lực dài hạn của một quốc gia không nằm ở nguồn lực hữu hạn, mà ở cách thức tổ chức và vận hành các nguồn lực ấy. Nếu tăng trưởng có thể được thúc đẩy bằng vốn, lao động hay mở rộng thị trường trong ngắn hạn, thì phát triển bền vững và thu nhập cao trong dài hạn trước hết phụ thuộc vào chất lượng thể chế.

Nói cách khác, bài toán thể chế có vai trò cực kỳ quan trọng để hiện thực hóa khát vọng 2045.

Thể chế - “hệ điều hành” phát triển quốc gia

Thể chế thường được hiểu giản đơn là hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, ở nghĩa đầy đủ hơn, thể chế bao gồm tổng thể các quy tắc chính thức và không chính thức, các thiết chế tổ chức và cơ chế vận hành xã hội. Đó là cách quyền lực được tổ chức và kiểm soát; là cách nguồn lực được phân bổ; là cách các xung đột lợi ích được xử lý trong khuôn khổ pháp luật.

Nếu nền kinh tế là “phần cứng” của một quốc gia thì thể chế chính là “hệ điều hành” quyết định hiệu suất vận hành của toàn bộ hệ thống. Một hệ điều hành lạc hậu sẽ làm chậm cả cỗ máy, dù phần cứng có hiện đại đến đâu.

Thực tiễn phát triển của thế giới cho thấy, không có quốc gia thu nhập cao nào mà thể chế lại yếu kém, thiếu minh bạch hoặc kém hiệu quả. Các nền kinh tế phát triển đều có điểm chung: quyền tài sản được bảo đảm, cạnh tranh công bằng được duy trì, chính sách ổn định và có khả năng dự báo, bộ máy thực thi chuyên nghiệp và trách nhiệm giải trình cao.

Từ “thể chế” đến “thể chế phát triển”

Khái niệm “thể chế phát triển” mà Đại hội XIV nhấn mạnh là một bước nâng cấp quan trọng trong tư duy chiến lược. Nếu thể chế nói chung nhằm duy trì trật tự và điều chỉnh hành vi trong xã hội, thì thể chế phát triển được thiết kế để kiến tạo tương lai và thúc đẩy tiến bộ.

Ở nghĩa đầy đủ, thể chế phát triển là hệ thống các quy tắc có tính nền tảng và thiết chế được xây dựng nhằm giải phóng và phân bổ hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp, người dân và

doanh nghiệp có quyền bình đẳng trước pháp luật, được pháp luật bảo vệ, đồng thời bảo đảm tăng trưởng bền vững gắn với tiến bộ và công bằng xã hội.

Khác với thể chế mang tính quản lý thuần túy, thể chế phát triển mang tính kiến tạo. Nó không chỉ kiểm soát, mà còn tạo động lực; không chỉ duy trì ổn định, mà còn mở rộng cơ hội; không chỉ bảo đảm trật tự, mà còn thúc đẩy sự vươn lên của xã hội.

Có thể nhìn nhận thể chế phát triển ở ba cấp độ gắn kết hữu cơ với nhau.

Thứ nhất là cấp độ nguyên tắc nền tảng: tôn trọng và bảo vệ quyền tài sản, bảo đảm cạnh tranh công bằng, minh bạch trong hoạch định và thực thi chính sách, trách nhiệm giải trình rõ ràng của bộ máy công quyền. Đây là "nền móng" tạo niềm tin xã hội.

Thứ hai là cấp độ thiết kế chính sách: chính sách ổn định và có khả năng dự báo; không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế; phân cấp, phân quyền hợp lý gắn với kiểm soát quyền lực. Đây là "khung kiến trúc" để thị trường vận hành hiệu quả.

Thứ ba là cấp độ thực thi: kỷ luật công vụ, năng lực chuyên nghiệp của bộ máy, đo lường kết quả bằng tác động thực tế đối với người dân và doanh nghiệp. Nếu thiếu cấp độ này, mọi thiết kế thể chế sẽ chỉ dừng lại trên văn bản.

Tuy nhiên, trong bối cảnh thế giới biến động nhanh chóng bởi chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, cạnh tranh chiến lược và những cú sốc toàn cầu, thể chế phát triển không thể là một cấu trúc tĩnh. Nó phải là một thể chế học tập - một hệ thống có khả năng tự đánh giá, tự điều chỉnh và tự hoàn thiện liên tục trên cơ sở thực tiễn vận hành.

Một thể chế học tập biết lắng nghe phản hồi từ xã hội, đo lường tác động của chính sách, sẵn sàng thừa nhận bất cập và kịp thời sửa đổi, khắc phục. Nó coi thích ứng là năng lực cốt lõi, coi đổi mới là động lực nội tại và coi hoàn thiện liên tục là điều kiện để duy trì sức sống. Chính khả năng tiến hóa ấy bảo đảm rằng thể chế không trở thành lực cản, mà luôn là bệ đỡ cho phát triển.

Vì vậy, thể chế phát triển không chỉ là tập hợp các quy định hợp lý ở một thời điểm, mà là một hệ thống vận hành có năng lực tự đổi mới. Một quốc gia muốn đi đến thu nhập cao không chỉ cần thể chế tốt, mà cần một thể chế biết học hỏi và hoàn thiện không ngừng để phù hợp với những đổi thay của thời đại.

Thu nhập cao - trước hết là một vấn đề thể chế

Con đường từ một nước đang phát triển lên nước phát triển, thu nhập cao là con đường vượt qua “bẫy thu nhập trung bình”. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia đạt được tăng trưởng nhanh trong một giai đoạn, nhưng không thể bứt phá về chất lượng vì cải cách thể chế không theo kịp.

Tăng trưởng dựa vào lao động giá rẻ, khai thác tài nguyên hoặc mở rộng đầu tư công có thể mang lại kết quả trong ngắn hạn. Nhưng khi dư địa này thu hẹp, động lực chính phải chuyển sang năng suất và đổi mới sáng tạo. Và năng suất, suy cho cùng, phụ thuộc vào môi trường thể chế: môi trường bảo vệ sáng kiến, giảm chi phí tuân thủ, khuyến khích cạnh tranh và hạn chế đặc quyền.

Trong kỷ nguyên số, vai trò của thể chế càng trở nên nổi bật. Trí tuệ nhân tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế xanh đòi hỏi những khuôn khổ pháp lý linh hoạt, khả năng thử nghiệm chính sách (sandbox), và cơ chế bảo vệ những người dám đổi mới vì lợi ích chung. Một thể chế chậm thay đổi sẽ trở thành lực cản đối với sáng tạo.

Đột phá thể chế - đột phá ở tư duy và hành động

Đột phá về thể chế phát triển trước hết là đột phá về tư duy. Đó là chuyển từ cách tiếp cận “quản lý” sang “kiến tạo”; từ cơ chế “xin – cho” sang quản trị bằng quy tắc minh bạch; từ tiền kiểm nặng nề sang hậu kiểm hiệu quả.

Đột phá còn là tái cấu trúc cách thức tổ chức và vận hành quyền lực: phân định rõ chức năng giữa các cơ quan; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực; đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu. Một thể chế phát triển không chấp nhận sự chùng chểo và thiếu rõ ràng về trách nhiệm.

Bên cạnh đó, chất lượng xây dựng pháp luật cần được nâng cao theo hướng giảm chồng chéo, tăng tính ổn định và dự báo, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Bộ máy thực thi phải tinh gọn, chuyên nghiệp, được đánh giá bằng kết quả cụ thể chứ không chỉ bằng quy trình.

Quan trọng hơn cả là xây dựng văn hóa thực thi dựa trên thượng tôn pháp luật và trách nhiệm giải trình. Thể chế phát triển không chỉ nằm ở văn bản, mà nằm ở cách ứng xử hằng ngày của hệ thống công quyền với người dân và doanh nghiệp.

Mở đường cho tương lai

Khát vọng 2045 là khát vọng về một Việt Nam thịnh vượng, tự chủ và có vị thế cao trong cộng đồng quốc tế. Nhưng khát vọng ấy không thể chỉ dựa vào nguồn lực vật chất. Nó cần một nền tảng thể chế đủ mạnh để tạo niềm tin, đủ minh bạch để khuyến khích đầu tư dài hạn, và đủ hiện đại để thích ứng với biến động toàn cầu.

Đột phá thể chế phát triển vì thế không chỉ là nhiệm vụ của riêng một cơ quan hay một giai đoạn. Đó là quá trình cải cách liên tục, có tầm nhìn dài hạn và quyết tâm chính trị cao. Mỗi bước hoàn thiện thể chế hôm nay là một viên gạch đặt nền cho vị thế Việt Nam ngày mai. Nếu muốn mở đường cho khát vọng 2045, không có con đường nào bền vững hơn con đường nâng cấp chất lượng thể chế. Bởi lẽ, chính thể chế sẽ quyết định cách chúng ta huy động và sử dụng mọi nguồn lực của quốc gia cho mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng - nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Nguồn: baohinhphu.vn

GỖ “ĐIỂM NGHẼN” THỂ CHẾ, CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC CHẤT

Đổi mới kiểm soát thủ tục hành chính gắn với hoàn thiện thể chế và hiện đại hóa quản trị công trên nền tảng khoa học, công nghệ vì người dân và doanh nghiệp là vấn đề đang được nhiều bộ ngành tích cực triển khai.

Tư duy “lấy người dùng làm trung tâm” được coi là mục tiêu trọng yếu của kiểm soát, quản lý thủ tục thay vì chỉ dừng ở việc “số hóa quy trình”.

Cải cách đúng định hướng nhưng chậm về kết quả

Theo số liệu của Bộ Tư pháp, trong giai đoạn 2007 - 2010, Bộ đã công bố công khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính tại các cấp chính quyền; đơn giản hóa gần 5.000 thủ tục, tiết kiệm gần 30.000 tỷ đồng/năm. Cắt giảm, đơn giản hóa khoảng 3.000 thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành, chế độ báo cáo của doanh nghiệp tại 262 văn bản quy phạm pháp luật; đến hết tháng 1/2026 đã cắt giảm, đơn giản hóa gần 2.700 thủ tục hành chính (đạt 87,2%); cắt giảm gần 2.000 điều kiện kinh doanh (đạt 83,2%)...

Mặc dù công tác cải cách thủ tục hành chính thời gian qua đạt nhiều kết quả tích cực, song theo một số đánh giá, cách tiếp cận vẫn còn thiên về rà soát từng quy trình/danh mục thủ tục hơn là tái thiết kế phương thức và năng lực vận hành; thiên về cắt giảm trên giấy tờ hơn là giảm chi phí giao dịch thực tế.

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Tịnh cho rằng, điểm nghẽn mang tính hệ thống chính là độ trễ lớn trong việc ban hành chủ trương, phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật dẫn đến tình trạng cải cách đúng về định hướng nhưng chậm về kết quả. Bên cạnh đó, việc mở rộng phân cấp, phân quyền chưa đi kèm cơ chế kiểm soát đủ mạnh đối với thủ tục hành chính do địa phương ban hành, dẫn đến tình trạng cùng một thủ tục, mỗi địa phương lại quy định khác nhau.

Nhận diện khó khăn, vướng mắc ở góc độ người dân, doanh nghiệp, bà Phạm Thị Ngọc Thủy, Giám đốc Văn phòng Ban nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV), Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ thẳng thắn chỉ ra bốn nguy cơ hiện hữu mang tính hệ thống, có thể khiến nỗ lực cải cách thủ tục hành chính thời gian bị “phá vỡ”, đó là: Thể chế lệch pha, nhân sự quá tải, dữ liệu phân tán, tài chính cứng nhắc.

Theo bà Phạm Thị Ngọc Thủy, thể chế đang có lệch pha nhất định giữa chủ trương với triển khai, giữa mong muốn với thực thi, giữa nỗ lực từng bên với gắn kết liên thông nhau và nếu không có độ khớp nối sẽ không tạo ra hiệu quả như ý. Thí dụ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quản lý an toàn thực phẩm theo hướng quản trị rủi ro, đề cao trách nhiệm tự tuân thủ của doanh nghiệp; đến Nghị định số 46/2026/NĐ-CP lại chuyển mạnh sang tiền kiểm, dẫn đến điểm nghẽn trong thực thi. Yêu cầu quản lý tăng trong khi năng lực tổ chức chưa theo kịp khiến mọi việc ùn ứ.

Về vấn đề tài chính, tại các xã, phường, số lượng hồ sơ giải quyết là khác nhau nhưng số biên chế giống nhau, tài chính phân bổ “bó cứng” theo định biên mà không theo số lượng công việc. “Tại Bắc Ninh tự nhiên trong quy hoạch có sân bay, mật độ làm thủ tục hành chính liên quan đất đai “nóng” khủng khiếp trong khi cũng chỉ có từng ấy người làm; còn ở các xã miền núi cả sáng chỉ có mấy bộ hồ sơ”, bà Phạm Thị Ngọc Thủy cho biết. Công việc nhiều dẫn đến áp lực quá tải cho cán bộ cấp xã, phường. Ngay tại xã Mỹ Thọ (Đồng Tháp), một cán bộ địa chính xã vừa phải giải quyết nhiệm vụ chuyên môn, vừa xử lý hồ sơ thủ tục hành chính cho dân, vừa cần có mặt trong các lịch đo đạc hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai, tham gia các vụ xử án liên quan đất đai khi Tòa án/Viện Kiểm sát mời...

Trong khi đó số hóa phân mảnh, dữ liệu chưa liên thông thực chất, hạ tầng kỹ thuật chưa bảo đảm hồ sơ có dung lượng lớn. Sau khi hệ thống giải quyết thủ tục hành chính chuyển đổi sang mô hình tập trung cấp bộ, dừng tiếp nhận trên các hệ thống địa phương, bản thân địa phương thấy chưa thuận tiện. Ông Nguyễn Ngọc Nam, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Ninh chia sẻ: “Bình thường địa phương thực hiện theo quy trình cũ thì chỉ cần vào nắm được số liệu ngay. Giờ có 8 cơ quan cấp bộ triển khai, chúng tôi phải xin số liệu của 8 sở nhưng cũng chưa có. Số hồ sơ phát sinh ngành dọc chưa đến 10% so với các địa phương, trong khi số lượng thủ tục hành chính ngang nhau, hơn 1.000 thủ tục”.

Dữ liệu phát sinh phải tự động cập nhật, liên thông

Một trong những giải pháp mà Ban IV Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng đưa ra là đột phá về phương thức tổ chức thực thi, Nhà nước cần xem xét chuyển sang mô hình tập trung vào xây dựng chính sách, ban hành chuẩn mực và kiểm soát kết quả; đồng thời ủy quyền, thuê ngoài có kiểm soát đối với các khâu kỹ thuật, vận hành. Giải pháp này nhằm mở rộng năng lực cung ứng dịch vụ hành chính, phù hợp yêu cầu không gia tăng biên chế nhưng nâng cao hiệu quả quản trị công. Kiểm soát theo “hành trình thủ tục”, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm theo dữ liệu, hoàn thiện hạ tầng dữ liệu dùng chung và địa vị pháp lý của dữ liệu số.

Đồng tình quan điểm này, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Tịnh cũng cho rằng, cần phải đổi mới mạnh mẽ về tư duy quản lý thủ tục hành chính theo hướng bảo vệ quyền, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Đã đến lúc phải tổng rà soát các thủ tục hành chính và đánh giá rủi ro theo khía cạnh. Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu và tham mưu báo cáo Chính phủ để có hệ tiêu chí rất khoa học dựa trên đánh giá rủi ro lợi ích trong quản lý nhà nước nhằm xác định thủ tục nào giữ, thủ tục nào chỉ cần hậu kiểm.

Theo Phó Chánh Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ Đỗ Đình Rô, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số vào quy trình thủ tục hành chính là cần thiết nhưng phải thực chất, hiệu quả. “Cần bảo đảm khi cán bộ thực hiện thủ tục hành chính xong, cùng lúc đó dữ liệu phát sinh tự động cập nhật, liên thông; như vậy giá trị dữ liệu mới đúng, đủ, sạch, online, không có thời gian chết”, ông Đỗ Đình Rô nêu rõ.

Nguồn: nhandan.vn

NGHỊ QUYẾT SỐ 79-NQ/TW MỞ KHÔNG GIAN TĂNG VỐN CHO NGÂN HÀNG TRỤ CỘT

Đối với hệ thống tài chính, Nghị quyết số 79-NQ/TW đặt mục tiêu đến năm 2030 có ít nhất 3 ngân hàng thương mại Nhà nước nằm trong nhóm 100 ngân hàng lớn nhất khu vực châu Á về tổng tài sản, đồng thời dẫn đầu về công nghệ và năng lực quản trị.

Mục tiêu top 100 ngân hàng châu Á: Cơ hội và trách nhiệm

Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Vietcombank Nguyễn Thanh Tùng phân tích: Nghị quyết xác định rõ vai trò then chốt của các ngân hàng thương mại Nhà nước trong việc ổn định hệ thống, điều tiết thị trường tiền tệ, cung ứng vốn chủ lực cho nền kinh tế; đồng thời đi đầu về quy mô, năng lực quản trị, trình độ công nghệ và chuẩn mực hoạt động. Mục tiêu 3 ngân hàng lọt top 100 châu Á vừa là cơ hội, nhưng đồng thời cũng là thách thức và trách nhiệm lớn đối với Vietcombank với tư cách là một ngân hàng Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong hệ thống.

Theo ông Nguyễn Thanh Tùng, Ngân hàng Vietcombank tiếp cận mục tiêu này theo nghĩa không chỉ mở rộng quy mô mà còn là quá trình nâng tầm toàn diện về năng lực tài chính, chất lượng tăng trưởng, chuẩn mực quản trị và vị thế khu vực. Các mục tiêu và giải pháp trong Nghị quyết số 79-NQ/TW có mức độ tương đồng cao với chiến lược phát triển của ngân hàng trong giai đoạn tới.

4 định hướng trọng tâm trong giai đoạn mới

Ông Nguyễn Thanh Tùng đã chia sẻ về các định hướng trọng tâm để triển khai các mục tiêu trong Nghị quyết số 79-NQ/TW trong giai đoạn mới.

Thứ nhất, Vietcombank tiếp tục phát huy vai trò điều tiết và dẫn dắt thị trường, điều hành tín dụng phù hợp chu kỳ kinh tế; ưu tiên vốn cho lĩnh vực then chốt, dự án trọng điểm quốc gia và các động lực tăng trưởng mới như hạ tầng chiến lược, chuyển đổi năng lượng, kinh tế số... Đồng thời, ngân hàng xây dựng dư địa tăng trưởng phù hợp để đóng vai trò bộ đệm cho nền kinh tế trong các giai đoạn biến động.

Thứ hai, ngân hàng tăng cường năng lực tài chính, thực hiện các giải pháp tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn lực nội sinh và nguồn vốn bên ngoài. Vốn được xác định là nền tảng chính sách để nâng cao khả năng ổn định thị trường, đáp ứng các chuẩn mực an toàn ngày càng cao, qua đó tạo điều kiện thực thi vai trò điều tiết một cách chủ động và bền vững.

Thứ ba, Vietcombank đẩy mạnh chuyển đổi số và quản trị dữ liệu, đầu tư cho hạ tầng dữ liệu, năng lực phân tích; ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo vào quản trị rủi ro, điều hành hoạt động theo thời gian thực. Từng bước, ngân hàng hình thành năng lực tài chính như một lợi thế cạnh tranh cốt lõi.

Thứ tư, ngân hàng đổi mới cơ chế nhân sự, tạo động lực phát triển mới, thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng hiệu quả công việc; hài hòa lợi ích cá nhân với hiệu quả dài hạn; hình thành đội ngũ đủ năng lực, đủ động lực và đủ trách nhiệm để thực hiện mục tiêu chiến lược, đồng thời củng cố các năng lực mới.

“Có thể khẳng định, Nghị quyết số 79-NQ/TW tạo nền tảng thể chế mạnh mẽ cho định hướng mà Vietcombank đã và đang kiên định theo đuổi: phát triển thành ngân hàng thương mại Nhà nước hiện đại, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh trong khu vực; vừa thực hiện tốt vai trò chủ lực trong nền kinh tế, vừa vận hành theo chuẩn mực quản trị tiên tiến, minh bạch và hiệu quả”, Chủ tịch Vietcombank nhấn mạnh.

Cơ chế tăng vốn: Bước đột phá về tư duy đầu tư

Theo Chủ tịch Nguyễn Thanh Tùng, một điểm đáng chú ý của Nghị quyết số 79-NQ/TW là cho phép sử dụng toàn bộ nguồn thu từ cổ phần hóa và thoái vốn để tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp Nhà nước thay vì nộp về ngân sách.

Đối với các ngân hàng thương mại Nhà nước, đây được coi là bước đột phá về tư duy đầu tư vốn của Nhà nước. Hoạt động ngân hàng có đặc thù là dư địa tăng trưởng, từ mở rộng tín dụng, đầu tư công nghệ đến đáp ứng chuẩn mực quốc tế, đều phụ thuộc trực tiếp vào quy mô và chất lượng vốn tự có. Trong nhiều năm qua, các ngân hàng Nhà nước, trong đó có Vietcombank, phải cân đối giữa nhu cầu giữ lại lợi nhuận để tăng vốn và nghĩa vụ nộp cổ tức tiền mặt về ngân sách.

Nghị quyết số 79-NQ/TW tháo gỡ nút thắt này, mở rộng không gian và công cụ đầu tư vốn cho Nhà nước thông qua việc cho phép sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp để bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp Nhà nước, bao gồm các ngân hàng thương mại Nhà nước. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hệ số an toàn vốn của nhóm ngân hàng Nhà nước hiện thấp hơn nhóm ngân hàng tư nhân và thấp hơn nhiều ngân hàng trong khu vực, trong khi yêu cầu về chuẩn mực Basel và cạnh tranh quốc tế ngày càng cao.

Đối với Vietcombank, đây là cơ sở quan trọng để chủ động hơn trong chiến lược tăng vốn trung và dài hạn; qua đó tạo dư địa tăng trưởng quy mô, đầu tư mạnh cho công nghệ, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Quan trọng hơn, cơ chế này thể hiện rõ quan điểm tiếp tục đầu tư để xây dựng các ngân hàng trụ cột ngang tầm khu vực.

Từ kinh nghiệm thực tiễn, Chủ tịch Vietcombank cho rằng để triển khai Nghị quyết số 79-NQ/TW hiệu quả và đồng bộ, cần tiếp tục tháo gỡ một số điểm nghẽn thực thi.

Thứ nhất, cần bảo đảm tính đồng bộ trong chính sách về đầu tư vốn Nhà nước tại ngân hàng thương mại Nhà nước. Nghị quyết số 79-NQ/TW định hướng tiếp tục tăng vốn điều lệ cho nhóm ngân hàng này; vì vậy, Vietcombank kiến nghị cho phép áp dụng linh hoạt các hình thức tăng vốn như giữ lại lợi nhuận, bổ sung vốn từ nguồn thoái vốn Nhà nước, phát hành riêng lẻ, phát hành cổ phiếu ưu đãi, kể cả cho người lao động, trên cơ sở bảo đảm vai trò chi phối của Nhà nước.

Thứ hai, cần phân định rõ hơn giữa hoạt động kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì lợi nhuận của ngân hàng thương mại Nhà nước. Vietcombank hiện thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại Ngân hàng Xây dựng, nay là VCBNeo. Đây là nhiệm vụ chính trị nhằm bảo đảm an toàn hệ thống; do đó cần cơ chế đặc thù cho ngân hàng trụ cột quốc gia và cơ chế phân định, bù đắp nhiệm vụ chính sách để thực thi vai trò điều tiết hệ thống bền vững.

Thứ ba, lãnh đạo Vietcombank đề xuất có cách tiếp cận dài hạn hơn trong đánh giá các ngân hàng trụ cột quốc gia, không chỉ dựa trên kết quả lợi nhuận ngắn hạn mà bổ sung tiêu chí về vai trò điều tiết thị trường, năng lực chống chịu rủi ro, mức độ hội nhập quốc tế và đóng góp cho ổn định kinh tế vĩ mô.

Nguồn: baohinhphu.vn

BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 79-NQ/TW VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC

Ngày 24/02/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 29/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước (gọi tắt là Chương trình).

Mục tiêu của Chương trình nhằm tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ, đồng bộ, nhất quán các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

Đồng thời, xác định nhiệm vụ cụ thể, làm căn cứ để các bộ, cơ quan, địa phương và tổ chức liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết; bảo đảm hiện thực hóa mục tiêu nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong, định hướng chiến lược của kinh tế nhà nước.

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời xử lý, tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế đối với kinh tế nhà nước

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, các bộ, cơ quan, địa phương và tổ chức liên quan cần cụ thể hóa và quyết liệt tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

Các bộ, cơ quan, địa phương và tổ chức liên quan quán triệt đầy đủ, sâu sắc tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động về quan điểm, chủ trương của Đảng đối với phát triển kinh tế nhà nước; đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt.

Đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể. Trong đó, chú trọng thực hiện các nhiệm vụ sau:

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý, tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế đối với kinh tế nhà nước; đồng thời, phân định rõ chức năng sở hữu, chức năng quản lý kinh tế, chức năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh đối với các tổ chức kinh tế nhà nước.

Cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm thời gian, chi phí tuân thủ, giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp; phân cấp, phân quyền; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có chính sách hiệu quả nhằm thu hút và trọng dụng nhân tài

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia trong các cơ quan, tổ chức kinh tế nhà nước; có chính sách hiệu quả nhằm thu hút và trọng dụng nhân tài gắn với tiêu chuẩn năng lực, đạo đức nghề nghiệp, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Lồng ghép Chương trình, Kế hoạch hành động phát triển kinh tế nhà nước trong Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, cơ quan, địa phương hằng năm và 05 năm; chủ động bố trí, lồng ghép kinh phí hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai các hoạt động liên quan.

Xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật công bằng, minh bạch theo cơ chế thị trường trong khai thác và sử dụng nguồn lực quốc gia.

Phối hợp với Bộ Công an khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia để kịp thời giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản, nguồn lực nhà nước, làm căn cứ cho hoạch định chính sách, phân bổ và điều tiết nguồn lực.

Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; tránh chồng chéo, trùng lặp, ảnh hưởng tới hoạt động của các cơ quan, tổ chức kinh tế nhà nước.

Xây dựng cơ chế đủ mạnh để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong các trường hợp không có yếu tố tham nhũng, vụ lợi. Thiết lập quy trình xem xét độc lập, toàn diện và minh bạch để đánh giá bản chất vụ việc là sai sót khách quan hay vi phạm pháp luật nhằm xử lý đúng người, đúng tội.

Tăng cường hoạt động đối thoại; tiếp nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị để giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Xây dựng và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 79-NQ/TW và vai trò của kinh tế nhà nước theo hướng đa dạng hóa các hình thức, phương thức tuyên truyền; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng. Xây dựng chương trình truyền thông chuyên đề về phát triển kinh tế nhà nước trên đài truyền hình, phát thanh, trên các mạng xã hội, báo điện tử.

Chuẩn hoá dữ liệu về nguồn lực kinh tế nhà nước, bảo đảm liên thông, tích hợp, an toàn, an ninh thông tin

Bộ Công an tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia; trong đó, dữ liệu về nguồn lực kinh tế nhà nước được chuẩn hoá, quản lý thống nhất, cập nhật thường xuyên, bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ, an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.

Đồng thời, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý tài chính, tài sản nhà nước, đất đai, khoáng sản, đầu tư công..., bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa; thu hồi tối đa cho Nhà nước những tài sản, kinh phí bị sử dụng sai mục đích hoặc bị chiếm đoạt.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo các cơ quan truyền thông, báo chí nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền; thực hiện cung cấp thông tin về kinh tế nhà nước khách quan, trung thực, đầy đủ; cổ vũ, lan tỏa mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả.

Xử lý nghiêm và công khai các hành vi những nhiều, tiêu cực, đưa thông tin sai lệch, không chính xác, ảnh hưởng đến các tổ chức, đơn vị kinh tế nhà nước.

Bên cạnh đó, Chương trình cũng yêu cầu các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức cần triển khai các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến đất đai và tài nguyên; tài sản kết cấu hạ tầng;

ngân sách nhà nước; dự trữ quốc gia; các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống; doanh nghiệp nhà nước; tổ chức tín dụng nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập.

Nguồn: baochinhpphu.vn

BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 80-NQ/TW VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM

Ngày 24/02/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 30/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam (gọi tắt là Chương trình).

Mục tiêu của Chương trình nhằm tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

Đồng thời xác định nhiệm vụ cụ thể để các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai đồng bộ, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW để phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng vững chắc và sức mạnh nội sinh của dân tộc, vừa góp phần phát triển nhanh, bền vững, hướng đến mục tiêu 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập nước, vừa hình thành nền văn hóa xứng tầm một quốc gia phát triển, định hướng xã hội chủ nghĩa, có truyền thống văn hóa, văn hiến rực rỡ ngàn đời, đóng góp xứng đáng vào dòng chảy văn minh nhân loại.

8 nhóm nhiệm vụ

Bám sát quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị, để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết số 80-NQ/TW đề ra, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện 8 nhóm nhiệm vụ sau:

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động nhằm phát triển văn hóa trong kỷ nguyên mới.
- Hoàn thiện thể chế tạo đột phá chiến lược, khơi thông nguồn lực phát triển văn hóa.
- Chú trọng xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, xây dựng môi trường văn hóa nhân dân, văn minh.
- Đổi mới phương thức quản lý văn hóa theo hướng kiến tạo, phục vụ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo động lực bứt phá cho phát triển văn hóa.
- Xây dựng hệ sinh thái văn hóa, thúc đẩy sáng tạo, trong đó doanh nghiệp là động lực, người dân vừa là chủ thể vừa là trung tâm, nhận diện và ứng xử thích hợp với tài nguyên văn hóa.

6. Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa, định vị sản phẩm văn hóa thương hiệu quốc gia, gắn với phát triển du lịch văn hóa.

7. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực văn hóa đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới.

8. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, phát huy giá trị văn hóa Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần xứng đáng gia tăng sức mạnh mềm quốc gia.

Quán triệt, nhận thức sâu sắc vai trò và động lực của văn hóa trong phát triển đất nước; phát huy vai trò hạt nhân lan tỏa của văn nghệ sĩ, trí thức

Về việc đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động nhằm phát triển văn hóa trong kỷ nguyên mới, Nghị quyết yêu cầu các bộ, ngành, địa phương cần:

- Quán triệt, nhận thức đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về vai trò nền tảng, sức mạnh nội sinh và động lực đột phá của văn hóa trong phát triển đất nước; về quan điểm phát triển văn hóa ngang tầm với chính trị, kinh tế, xã hội, gắn với xây dựng thể trận an ninh văn hóa, an ninh con người, chủ quyền văn hóa số. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo quản lý các cấp trong thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa. Đề cao vai trò con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của phát triển. Tạo điều kiện thuận lợi, huy động nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa.

- Chú trọng yếu tố văn hóa trong từng ý tưởng, từng giai đoạn hoạch định, đánh giá tác động, ban hành và thực thi chính sách phát triển từ Trung ương tới cấp tỉnh, cấp xã. Nội hàm văn hóa phải được xác định đồng thời cùng các nội hàm về chính trị, kinh tế, xã hội để thấm sâu vào các chiến lược, quy hoạch, đề án, dự án phát triển của các bộ, ngành, địa phương; bảo đảm đồng bộ, tương hỗ với các chính sách, giải pháp đột phá về kinh tế, giáo dục, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

- Tuyên truyền thường xuyên, liên tục, hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng về vai trò, vị trí của văn hóa đối với sự phát triển nhanh và bền vững đất nước, mục tiêu, các chính sách, giải pháp đột phá của Nhà nước về phát triển văn hóa, trong đó báo chí cách mạng đóng vai trò nòng cốt, ưu tiên sử dụng các hình thức truyền thông hiện đại, tầm bao phủ rộng, đặc biệt là truyền thông số.

- Tìm kiếm, phát hiện và nhân rộng các gương người tốt, việc tốt, coi trọng giáo dục các hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người Việt Nam.

- Xây dựng môi trường thông tin trong sạch, định hướng thị hiếu lành mạnh, tiên bộ, quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc ra thế giới, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, trong đó văn nghệ sĩ, trí thức, người làm công tác văn hóa, doanh nhân, nghệ nhân dân gian, người có uy tín, có tầm ảnh hưởng, chức sắc tôn giáo giữ vai trò quan trọng, gương mẫu đi đầu, là hạt nhân lan tỏa.

Lấy di sản văn hóa là trung tâm, tài nguyên văn hóa số là thế mạnh để bảo tồn, phát triển bền vững các giá trị văn hóa

Đối với nhiệm vụ xây dựng hệ sinh thái văn hóa, thúc đẩy sáng tạo, Nghị quyết yêu cầu:

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực văn hoá mang bản sắc Việt Nam, gắn kết hoạt động nghiên cứu, sáng tác, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ văn hoá với khởi nghiệp sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới; tổ chức các chương trình, cuộc thi và liên hoan sáng tạo văn hoá - công nghệ cấp quốc gia. Hình thành tầng lớp công chúng văn hóa hiện đại, gắn với môi trường số và đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng các Trung tâm đổi mới sáng tạo văn hóa - sáng tạo nội dung số, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo. Định hướng xây dựng thị trường sản phẩm sáng tạo liên khu vực, trong đó có mục tiêu hình thành các "trung tâm sáng tạo vùng" gắn với đô thị lớn, khu du lịch trọng điểm và cộng đồng sáng tạo nhằm góp phần nâng cao khả năng kết nối chuỗi giá trị sáng tạo trong nước và quốc tế.

- Nhà nước hỗ trợ, dẫn dắt hình thành các nền tảng văn hóa số, không gian sáng tạo nội dung số, môi trường sáng tạo cho cộng đồng các doanh nghiệp và tổ chức sản xuất cung ứng sản phẩm, dịch vụ văn hóa thông qua các hoạt động kết nối, trao đổi. Huy động sự tham gia của các doanh nghiệp để thúc đẩy đổi mới sáng tạo văn hóa, đặc biệt là doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí.

- Lấy di sản văn hóa là trung tâm và tài nguyên văn hóa số là thế mạnh, hướng đến việc bảo tồn, phát huy, phát triển bền vững các giá trị văn hóa vì thế hệ mai sau. Phát triển mô hình “Mỗi di sản - Một câu chuyện - Một sản phẩm số - Sức sống từ truyền thống đến hiện đại”. Xây dựng thiết chế “văn hóa số”, “bảo tàng mở”, “nhà hát di động”, “thư viện số” thân thiện với mọi lứa tuổi, duy trì sự hiện diện thường xuyên của các giá trị văn hóa trong cộng đồng, bảo đảm di sản được lưu giữ và phát triển trong đời sống đương đại.

- Hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái văn hóa. Xây dựng, phát triển mô hình “Di sản dẫn dắt phát triển kinh tế” tại các khu di sản thế giới và một số đô thị di sản: Hà Nội, Quảng Ninh, Ninh Bình, Huế...

- Thúc đẩy phát triển các sản phẩm văn hóa, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu mang bản sắc văn hóa Việt Nam, có khả năng thương mại hóa, mở rộng thị trường; gắn bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống với đổi mới công nghệ, thiết kế, mẫu mã sản phẩm.

- Nghiên cứu, xây dựng và phát triển hệ thống công viên địa chất; thúc đẩy du lịch địa chất và các sản phẩm văn hóa - giáo dục gắn với di sản địa chất.

- Tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng để các chuyên gia, trí thức, văn nghệ sĩ tài năng và học sinh, sinh viên có năng khiếu vượt trội trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được bồi dưỡng, rèn luyện, sáng tạo, cống hiến, phát triển. Công nhận, xếp hạng và khen thưởng các nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, giảng viên nghệ thuật, các cá nhân tài năng có đóng góp xuất sắc vì sự nghiệp phát triển văn hóa.

Nguồn: baochinhpvu.vn

QUY TRÌNH THU THẬP, SỬ DỤNG DỮ LIỆU THU ĐƯỢC TỪ THIẾT BỊ KỸ THUẬT DO CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CUNG CẤP ĐỂ PHÁT HIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Nghị định số 61/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định rõ quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.

Các hình thức cung cấp dữ liệu

Nghị định số 61/2026/NĐ-CP quy định: Dữ liệu do cá nhân, tổ chức thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật cung cấp cho cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp đến trụ sở cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền hoặc hiện trường xảy ra vụ việc để cung cấp hoặc địa điểm khác do người có thẩm quyền quyết định;
- Thư điện tử, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và ứng dụng khác trên thiết bị di động, số điện thoại đường dây nóng được công bố chính thức;
- Dịch vụ bưu chính;
- Kết nối, chia sẻ dữ liệu qua nền tảng số hoặc hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Nghị định nêu rõ cá nhân, tổ chức cung cấp dữ liệu có quyền:

- Cung cấp dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật cho cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thuộc các lực lượng theo quy định;
- Được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- Yêu cầu cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thông báo kết quả xác minh, xử lý dữ liệu đã cung cấp bằng văn bản hoặc qua ứng dụng trên môi trường điện tử.

Cá nhân, tổ chức cung cấp dữ liệu có trách nhiệm:

- Cung cấp đầy đủ thông tin về họ tên, địa chỉ, phương thức liên lạc trong trường hợp cơ quan, đơn vị tiếp nhận, thu thập dữ liệu cần liên hệ;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực, toàn vẹn của dữ liệu đã cung cấp;
- Phối hợp, hỗ trợ cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền trong quá trình giải quyết vụ việc khi được yêu cầu.

Yêu cầu và giá trị sử dụng của dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật

Theo quy định, dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật được sử dụng làm căn cứ xác minh, phát hiện hành vi vi phạm hành chính phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Việc thu thập, lưu trữ, sử dụng dữ liệu không xâm phạm quyền tự do, danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân và tổ chức theo quy định của pháp luật;

c) Phản ánh khách quan, chính xác, trung thực về hành vi vi phạm, thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm;

d) Đáp ứng yêu cầu về thời hạn sử dụng theo quy định tại Nghị định này.

Dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp, nếu đáp ứng được yêu cầu trên thì được sử dụng làm căn cứ xác minh, phát hiện vi phạm và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, thu thập dữ liệu

Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, thu thập dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt: Cảnh sát giao thông, Cảnh sát cơ động, Cảnh sát trật tự, Cảnh sát phản ứng nhanh, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Thanh tra Công an nhân dân, Công an cấp xã, Ủy ban nhân dân các cấp.

Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, thu thập dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa: Cảnh sát giao thông, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, xã hội, Thanh tra Công an nhân dân, Công an cấp xã; Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam; Cảng vụ đường thủy nội địa; Thanh tra hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải; Ủy ban nhân dân các cấp.

Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, thu thập dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông hàng hải: Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam; Kiểm ngư; Cảnh sát giao thông, Công an cấp xã; Ủy ban nhân dân các cấp.

Cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận, thu thập dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông hàng không dân dụng: Cục Hàng không Việt Nam, Thanh tra hàng không Việt Nam; Cảng vụ hàng không; Quản lý xuất nhập cảnh, Thanh tra Công an nhân dân, Công an cấp xã, Đoàn Công an; Ủy ban nhân dân các cấp.

Cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận, thu thập dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường: Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Cảnh sát giao thông, Quản lý xuất nhập cảnh, Thanh tra Công an nhân dân, Công an cấp xã; Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam; Hải quan; Quản lý thị trường; Kiểm lâm; Ủy ban nhân dân các cấp.

Cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận, thu thập dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cảnh sát giao thông, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cảnh sát trật tự, Cảnh sát cơ động, Cảnh sát phản ứng nhanh, Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Thanh tra Công an nhân dân, Công an cấp xã;

Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam; Hải quan; Kiểm lâm; Kiểm ngư; Ủy ban nhân dân các cấp.

Cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận, thu thập dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về phòng, chống ma túy: Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cảnh sát giao thông, Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cảnh sát cơ động, Cảnh sát trật tự, Cảnh sát phản ứng nhanh, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Thanh tra Công an nhân dân, Công an cấp xã; Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam; Hải quan; Ủy ban nhân dân các cấp.

Cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận, thu thập dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về phòng, chống tác hại của rượu, bia: Cảnh sát giao thông, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cảnh sát cơ động, Cảnh sát trật tự, Cảnh sát phản ứng nhanh, Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Công an cấp xã; Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam; Quản lý thị trường; Hải quan; Ủy ban nhân dân các cấp.

Cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận, thu thập dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về thủy sản: Kiểm ngư; Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam; Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường; Cảnh sát giao thông; Công an cấp xã; Ủy ban nhân dân các cấp.

Cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận, thu thập dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về tần số vô tuyến điện: Ủy ban nhân dân các cấp; Công an nhân dân; Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam; Quản lý thị trường; Hải quan; Cục Tần số vô tuyến điện, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực.

Trình tự tiếp nhận, thu thập dữ liệu

Trình tự tiếp nhận, thu thập dữ liệu được thực hiện như sau:

- Hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện cung cấp dữ liệu theo quy định tại Nghị định này.
- Thực hiện việc tiếp nhận, thu thập dữ liệu từ các nguồn theo quy định.

Trường hợp dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật được cung cấp không có tên, địa chỉ rõ ràng, cụ thể của cá nhân, tổ chức cung cấp dữ liệu nhưng có tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi vi phạm và có cơ sở để kiểm tra, xác minh thì cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền tiếp nhận, thu thập dữ liệu, tiến hành việc kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định.

- Phân loại, đánh giá ban đầu giá trị dữ liệu, vào sổ hoặc phần mềm theo dõi dữ liệu tiếp nhận, thu thập được và báo cáo ngay người có thẩm quyền để giải quyết, xử lý theo quy định.

Xử lý dữ liệu tiếp nhận, thu thập

Cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính xử lý dữ liệu tiếp nhận, thu thập được như sau:

- Dữ liệu thuộc thẩm quyền xử lý thì tiến hành thủ tục xác minh theo quy định.
- Dữ liệu không thuộc thẩm quyền xử lý thì chuyển đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để tiếp tục thực hiện việc xác minh, xử lý theo quy định.
- Kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do các tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông, cảng hàng không, sân bay, điều hành bay, kinh doanh

vận tải cung cấp làm căn cứ để xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông thì không phải thực hiện việc xác minh; việc xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Xác minh dữ liệu và kết luận vụ việc

Nghị định quy định thời hạn xác minh không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý xác minh. Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn xác minh được kéo dài nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý xác minh.

Thời hạn sử dụng dữ liệu để xác minh được áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này.

Căn cứ dữ liệu tiếp nhận, thu thập được, kết quả xác minh, người có thẩm quyền phải kết luận nội dung vụ việc, thực hiện như sau:

- Trường hợp phát hiện có vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có) và ra quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ cho người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp xác định không có vi phạm hành chính hoặc không đủ căn cứ để chứng minh vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính thuộc trường hợp quy định tại Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì không xử phạt vi phạm hành chính.

- Trường hợp trong và sau quá trình xác minh, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm hoặc dữ liệu do cá nhân, tổ chức cung cấp có dấu hiệu làm giả, làm sai lệch thì người có thẩm quyền phải chuyển hồ sơ vụ việc cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Nguồn: baочinhphu.vn

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ

Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

Quy định mới về đăng ký cư trú cho người chưa thành niên

Trong đó, Nghị định số 58/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 154/2024/NĐ-CP về đăng ký cư trú cho người chưa thành niên như sau:

Trường hợp người chưa thành niên đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú tại nơi thường trú, nơi tạm trú của cha, mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thì cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thực hiện kê khai, xác nhận ý kiến vào Tờ khai thay đổi thông tin cư trú.

Trường hợp người chưa thành niên đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú tại nơi thường trú, nơi tạm trú không phải là nơi thường trú, nơi tạm trú của cha, mẹ hoặc người giám hộ thì cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thực hiện kê khai, xác nhận ý kiến vào Tờ khai thay đổi thông tin cư trú. Trường hợp người chưa thành niên được Tòa án quyết định giao cho cha hoặc mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng thì người được giao chăm sóc, nuôi dưỡng kê khai, xác nhận ý kiến vào Tờ khai thay đổi thông tin cư trú.

Trong thời hạn tối đa 60 ngày, kể từ ngày người chưa thành niên được đăng ký khai sinh thì cha hoặc mẹ hoặc chủ hộ hoặc người giám hộ có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, khai báo thông tin về cư trú cho người chưa thành niên. Trường hợp cha, mẹ, người giám hộ của người dưới 6 tuổi có nơi thường trú nhưng không phải nơi đang thực tế sinh sống thì người dưới 6 tuổi được đăng ký thường trú tại nơi thường trú của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

Trường hợp cha, mẹ của người chưa thành niên không có cả nơi thường trú, nơi tạm trú thì thực hiện khai báo thông tin về cư trú cho người chưa thành niên theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Trường hợp đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú cho người dưới 6 tuổi tại nơi thường trú, nơi tạm trú của cha, mẹ, người giám hộ theo quy định thì cơ quan đăng ký cư trú không phải thực hiện kiểm tra, xác minh điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú.

Quy định mới về hồ sơ, thủ tục xóa đăng ký thường trú

Đồng thời, Nghị định số 58/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 154/2024/NĐ-CP về hồ sơ, thủ tục xóa đăng ký thường trú.

Theo quy định mới, trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hủy bỏ đăng ký thường trú của thủ trưởng cấp trên trực tiếp hoặc ngay sau khi ra quyết định hủy bỏ đăng ký thường trú đối với công dân, cơ quan đăng ký cư trú thực hiện việc xóa đăng ký thường trú đối với công dân và cập nhật việc xóa đăng ký thường trú vào Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan đăng ký cư trú tiếp nhận thông tin phản ánh về người thuộc trường hợp bị xóa đăng ký thường trú quy định tại điểm a, đ khoản 1 Điều 24 Luật Cư trú, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, thực hiện xóa đăng ký thường trú đối với công dân và cập nhật việc xóa đăng ký thường trú vào Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày hộ gia đình có người thuộc diện xóa đăng ký thường trú theo quy định tại điểm b, d, e, g, h, i khoản 1 Điều 24 Luật Cư trú thì người thuộc diện xóa đăng ký thường trú hoặc đại diện hộ gia đình hoặc người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm thực hiện thủ tục xóa đăng ký thường trú.

- Hồ sơ xóa đăng ký thường trú gồm: Tờ khai thay đổi thông tin cư trú và giấy tờ, tài liệu chứng minh thuộc một trong các trường hợp xóa đăng ký thường trú;

- Người thực hiện thủ tục nộp 01 hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) đến cơ quan đăng ký cư trú.

Nghị định số 58/2026/NĐ-CP nêu rõ, trường hợp người bị đề nghị xóa đăng ký thường trú chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc thông tin về người đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không đầy đủ, chính xác thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ thì cơ quan đăng ký cư trú thực hiện xóa đăng ký thường trú đối với công dân và cập nhật việc xóa đăng ký thường trú vào Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trường hợp người thuộc diện xóa đăng ký thường trú theo quy định tại điểm b, d, e, g, h, i khoản 1 Điều 24 Luật Cư trú mà hộ gia đình chỉ có 01 người hoặc đại diện hộ gia đình hoặc người đại diện theo pháp luật không thực hiện thủ tục xóa đăng ký thường trú thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, lập biên bản về việc công dân, đại diện hộ gia đình không thực hiện thủ tục xóa đăng ký thường trú và thực hiện xóa đăng ký thường trú đối với công dân.

Cơ quan, đơn vị quản lý người học tập, công tác, làm việc trong lực lượng vũ trang nhân dân có văn bản đề nghị cơ quan đăng ký cư trú trên địa bàn đóng quân xóa đăng ký thường trú đối với người thuộc đơn vị mình quản lý. Văn bản đề nghị cần nêu rõ họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân của người thuộc trường hợp xóa đăng ký thường trú; lý do đề nghị xóa đăng ký thường trú.

Sau khi thực hiện việc xóa đăng ký thường trú, cơ quan đăng ký cư trú thông báo bằng văn bản giấy hoặc bản điện tử hoặc hình thức điện tử khác cho người bị xóa đăng ký thường trú hoặc đại diện hộ gia đình.

Quy định mới về hồ sơ, thủ tục xóa đăng ký tạm trú

Bên cạnh đó, Nghị định số 58/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 154/2024/NĐ-CP về hồ sơ, thủ tục xóa đăng ký tạm trú.

Theo đó, trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hủy bỏ đăng ký tạm trú của thủ trưởng cấp trên trực tiếp hoặc ngay sau khi ra quyết định hủy bỏ đăng ký tạm trú đối với công dân, cơ quan đăng ký cư trú thực hiện việc xóa đăng ký tạm trú đối với công dân và cập nhật việc xóa đăng ký tạm trú vào Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan đăng ký cư trú tiếp nhận thông tin quy định tại điểm a, d, đ khoản 1 Điều 29 Luật Cư trú thông qua kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác do cơ quan, tổ chức quản lý, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, thực hiện xóa đăng ký tạm trú đối với công dân và cập nhật việc xóa đăng ký tạm trú vào Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày hộ gia đình có người thuộc diện xóa đăng ký tạm trú theo quy định tại điểm c, e, g, h khoản 1 Điều 29 Luật Cư trú thì người thuộc diện xóa đăng ký tạm trú hoặc đại diện hộ gia đình hoặc người đại diện hợp pháp có trách nhiệm thực hiện thủ tục xóa đăng ký tạm trú.

- Hồ sơ xóa đăng ký tạm trú gồm: Tờ khai thay đổi thông tin cư trú và giấy tờ, tài liệu chứng minh thuộc một trong các trường hợp xóa đăng ký tạm trú.

- Người thực hiện thủ tục nộp 01 hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) đến cơ quan đăng ký cư trú.

Trường hợp người bị đề nghị xóa đăng ký tạm trú có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhưng không đầy đủ, chính xác thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ thì cơ quan đăng ký cư trú phải xóa đăng ký tạm trú đối với công dân và cập nhật việc xóa đăng ký tạm trú vào Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trường hợp thuộc diện xóa đăng ký tạm trú theo quy định tại điểm c, e, g, h khoản 1 Điều 29 Luật Cư trú mà hộ gia đình chỉ có 01 người hoặc người thuộc diện xóa đăng ký tạm trú hoặc đại diện hộ gia đình hoặc người đại diện hợp pháp không thực hiện thủ tục xóa đăng ký tạm trú thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, lập biên bản về việc công dân, đại diện hộ gia đình không thực hiện thủ tục xóa đăng ký tạm trú và thực hiện xóa đăng ký tạm trú đối với công dân.

Cơ quan, đơn vị quản lý người học tập, công tác, làm việc trong lực lượng vũ trang nhân dân có văn bản đề nghị cơ quan đăng ký cư trú trên địa bàn đóng quân xóa đăng ký tạm trú đối với người thuộc đơn vị mình quản lý. Văn bản đề nghị cần nêu rõ họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân của người cần xóa đăng ký tạm trú; lý do đề nghị xóa đăng ký tạm trú.

Sau khi thực hiện việc xóa đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú thông báo bằng văn bản giấy hoặc bản điện tử hoặc hình thức điện tử khác cho người bị xóa đăng ký tạm trú hoặc đại diện hộ gia đình.

Nguồn: baochinhhphu.vn

MỞ RỘNG ĐIỀU KIỆN, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHÀ Ở XÃ HỘI

Chính phủ ban hành Nghị định số 54/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực nhà ở và kinh doanh bất động sản. Với nhiều điểm mới mang tính đột phá, Nghị định được kỳ vọng sẽ tháo gỡ "nút thắt" về thủ tục, mở rộng cơ hội tiếp cận nhà ở cho người thu nhập thấp.

Nổi lỏng tiêu chí “chưa có nhà ở” và vai trò của Công an cấp xã

Một trong những nội dung đáng chú ý nhất của Nghị định 54/2026/NĐ-CP là việc mở rộng tiêu chí xác định điều kiện chưa có nhà ở. Theo đó, trường hợp đối tượng thụ hưởng và vợ hoặc chồng được xác định là chưa có nhà ở khi không có tên hoặc không có nội dung

thông tin về nhà ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại tỉnh, thành phố nơi có dự án.

Đặc biệt, quy định mới không phụ thuộc vào thời điểm nộp hồ sơ và giao thẩm quyền xác nhận cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo pháp luật đất đai nhằm bảo đảm tính thống nhất, chính xác. Trong thời hạn 7 ngày từ khi nhận đề nghị, cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện việc xác nhận này.

Nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, Nghị định chuyển thẩm quyền xác nhận điều kiện thu nhập đối với lao động tự do (không có hợp đồng lao động) từ Ủy ban nhân dân cấp xã sang Công an cấp xã nơi thường trú hoặc tạm trú. Quy định mới thiết lập cơ chế “tự kê khai, tự chịu trách nhiệm” thông qua cam kết của công dân, kết hợp với công tác phối hợp xác minh, hậu kiểm của lực lượng Công an khi cần thiết.

Về mức trần thu nhập, Nghị định tiếp tục duy trì quy định hiện hành: người độc thân không quá 15 triệu đồng/tháng và hộ gia đình (đã kết hôn) không quá 30 triệu đồng/tháng. Đơn đề nghị xác nhận điều kiện thu nhập đồng thời được công nhận là giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách.

Minh bạch quy trình, đa dạng hình thức nộp hồ sơ

Để ngăn chặn tình trạng trục lợi và tạo thuận lợi cho người dân, Nghị định 54 quy định chuẩn hóa việc công khai thông tin dự án. Sau 30 ngày từ khi khởi công, chủ đầu tư phải công bố đầy đủ thông tin về quy mô, số lượng căn hộ, giá bán tạm tính... trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin của Sở Xây dựng.

Việc nộp hồ sơ đăng ký hiện được đa dạng hóa thông qua các hình thức: trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính hoặc thông qua đơn vị nơi người lao động làm việc. Thời gian tiếp nhận hồ sơ tối thiểu là 30 ngày. Trong trường hợp số lượng hồ sơ đủ điều kiện vượt quá số căn hộ mở bán, chủ đầu tư sẽ tổ chức bốc thăm dưới sự giám sát của đại diện cơ quan quản lý nhà nước và công an địa phương.

Nghị định cũng quy định rõ thứ tự ưu tiên cho các nhóm đối tượng đặc thù như: người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ, người khuyết tật, người được tái định cư và nhất là ưu tiên nữ giới (đối với trường hợp nữ đơn thân hoặc là chủ hộ).

Đối với các dự án nhà ở xã hội đang cho thuê, Nghị định mới tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân khi cho phép chủ đầu tư ưu tiên bán cho người đang thuê nếu họ có nhu cầu mua trước thời hạn 10 năm (quy định cũ là 5 năm). Giá bán sẽ được tính toán công khai dựa trên giá thẩm định, cộng lãi vay bình quân và trừ đi giá trị khấu hao nhà ở theo thời gian đã thuê.

Cùng với đó, Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng Việt Nam, qua đó tăng cường tính chủ động cho các địa phương trong tổ chức thực hiện chính sách nhà ở xã hội.

Nguồn: nhandan.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Bộ Chính trị

- Điều động, phân công, bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Kim Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giữ chức Phó Trưởng Ban Chính sách, chiến lược Trung ương.

- Điều động, phân công, bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Sỹ Hiệp, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ giữ chức Phó Trưởng Ban Chính sách, chiến lược Trung ương.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 344/QĐ-TTg ngày 26/2/2026 của Thủ tướng Chính phủ, ông Châu Văn Minh, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam thôi giữ chức Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam để bố trí công tác khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 26/2/2026, Thủ tướng Chính phủ giao ông Trần Hồng Thái, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam điều hành hoạt động của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đến khi cấp có thẩm quyền kiện toàn chức danh Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam theo quy định.

* Tỉnh Đồng Tháp

Ông Nguyễn Phước Thiện, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Sa Đéc được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2021 - 2026

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn/vov.vn